

Số: 609/HDLN-SKHĐT-STC-SCT-
SNN&PTNT-SKH-CN- CN NHNN

Lạng Sơn, ngày 27 tháng 4 năm 2020

HƯỚNG DẪN LIÊN NGÀNH

Về trình tự, thủ tục, hồ sơ thực hiện chính sách đặc thù khuyến khích đầu tư, phát triển hợp tác, liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2020-2025 theo Nghị quyết số 08/2019/NQ-HĐND ngày 10/12/2019 của HĐND tỉnh

VAN PHÒNG UBND TỈNH LẠNG SƠN	
Số:.....	Ngày:.....
ĐẾN	
Chuyên:.....	

Căn cứ Nghị quyết số 08/2019/NQ-HĐND ngày 10/12/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh về chính sách đặc thù khuyến khích đầu tư, phát triển hợp tác, liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2020-2025 (gọi tắt là Nghị quyết số 08/2019/NQ-HĐND);

Thực hiện Kế hoạch số 20/KH-UBND ngày 30/01/2020 của UBND tỉnh triển khai, tổ chức thực hiện Nghị quyết số 08/2019/NQ-HĐND ngày 10/12/2019 của HĐND tỉnh;

Liên ngành: Sở Kế hoạch và Đầu tư – Sở Tài chính – Sở Công thương – Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Sở Khoa học và Công nghệ - Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh hướng dẫn các tổ chức, cá nhân thực hiện trình tự, thủ tục, hồ sơ thực hiện chính sách đặc thù khuyến khích đầu tư, phát triển hợp tác, liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2020-2025 theo Nghị quyết số 08/2019/NQ-HĐND như sau:

Chương I:

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

I. Phạm vi, đối tượng áp dụng; nguyên tắc áp dụng; cơ chế và nguồn vốn hỗ trợ

1. Phạm vi áp dụng

Văn bản này hướng dẫn về trình tự, thủ tục, hồ sơ thực hiện chính sách đặc thù khuyến khích đầu tư, phát triển hợp tác, liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2020-2025 thực hiện Nghị quyết số 08/2019/NQ-HĐND.

2. Đối tượng áp dụng: Thực hiện theo quy định tại Điều 2, Chương I, Nghị quyết số 08/2019/NQ-HĐND.

3. Nguyên tắc áp dụng: Thực hiện theo quy định tại Điều 3, Chương I, Nghị quyết số 08/2019/NQ-HĐND.

4. Cơ chế và nguồn vốn hỗ trợ: Thực hiện theo quy định tại Điều 13, Chương II, Nghị quyết số 08/2019/NQ-HĐND.

Chương II

NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

I. TRÌNH TỰ, THỦ TỤC, HỒ SƠ HỖ TRỢ LÃI SUẤT TÍN DỤNG

1. Nội dung, điều kiện và mức hỗ trợ

Thực hiện theo quy định tại Điều 6, Chương II, Nghị quyết số 08/2019/NQ-HĐND.

2. Quy trình thực hiện

- Khi đủ điều kiện và có nhu cầu vay vốn được hỗ trợ lãi suất theo quy định tại Điều 6, Nghị quyết số 08/2019/NQ-HĐND, Nhà đầu tư lập Giấy đề nghị hỗ trợ lãi suất vay vốn ngân hàng (Mẫu số 01/HTLS) gửi UBND các huyện, thành phố (sau đây gọi tắt là UBND cấp huyện) nơi sản xuất, kinh doanh.

- Trên cơ sở Giấy đề nghị hỗ trợ lãi suất vay vốn ngân hàng của Nhà đầu tư, UBND cấp huyện kiểm tra các nội dung: (i) Nhà đầu tư có dự án đầu tư trong danh mục dự án nông nghiệp đặc biệt ưu đãi đầu tư hoặc trong danh mục dự án nông nghiệp ưu đãi đầu tư theo quy định tại Điều 4 Chương I Nghị quyết 08/2019/NQ-HĐND; (ii) Kiểm tra thực tế dự án, xác nhận địa điểm, hiện trạng dự án; (iii) Dự án đề nghị được hỗ trợ là dự án chưa được hỗ trợ lãi suất từ các chính sách khác (Biên bản kiểm tra – Mẫu số 02/HTLS). Chậm nhất 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Giấy đề nghị hỗ trợ lãi suất vay vốn của nhà đầu tư, UBND cấp huyện xem xét, xác nhận theo Mẫu số 01/HTLS cho nhà đầu tư (lưu hồ sơ 01 bản).

- Sau khi được UBND cấp huyện xác nhận, Nhà đầu tư mang theo Giấy đề nghị hỗ trợ lãi suất vay vốn đến ngân hàng thương mại để được hướng dẫn thủ tục vay vốn ngân hàng.

Ngân hàng thương mại có trách nhiệm hướng dẫn nhà đầu tư lập hồ sơ vay vốn, tiến hành thẩm định khả năng đáp ứng các điều kiện vay vốn của khách hàng theo quy định của pháp luật.

+ Trường hợp không đồng ý cấp tín dụng: Ngân hàng thương mại ban hành văn bản thông báo về việc từ chối cấp tín dụng, nêu rõ lý do gửi nhà đầu tư, đồng thời gửi cho UBND cấp huyện (cơ quan xác nhận Giấy đề nghị hỗ trợ lãi suất vay vốn ngân hàng) 01 bản.

+ Trường hợp đồng ý cấp tín dụng: Ngân hàng thương mại thực hiện ký kết hợp đồng tín dụng và giải ngân vốn cho vay theo quy định.

- Sau khi hoàn thành thủ tục vay vốn, ngân hàng thương mại gửi UBND cấp huyện văn bản thông báo về việc quyết định cho nhà đầu tư vay vốn (bao gồm một số nội dung cơ bản: Số tiền cho vay; thời hạn cho vay; lãi suất cho vay; kỳ hạn trả nợ gốc; kỳ hạn trả lãi tiền vay).

- Đến kỳ hạn thu lãi vay, ngân hàng thương mại thu toàn bộ số tiền lãi vay theo Hợp đồng tín dụng. Sau khi thực hiện quy trình thanh, quyết toán khoản hỗ trợ lãi suất tín dụng ngân hàng theo quy định tại mục 1 phần VII, Chương II Hướng dẫn này, Nhà đầu tư nhận kinh phí hỗ trợ lãi suất (do ngân sách cấp) qua Ngân hàng thương mại, nơi Nhà đầu tư vay vốn.

3. Hồ sơ hỗ trợ lãi suất tín dụng

- Quyết định phê duyệt Kế hoạch hỗ trợ lãi suất của UBND cấp huyện.
- Giấy đề nghị hỗ trợ lãi suất vay vốn ngân hàng của Nhà đầu tư đã được UBND cấp huyện xác nhận (Mẫu số 01/HTLS).
- Biên bản kiểm tra trước khi xác nhận vào Giấy đề nghị hỗ trợ lãi suất vay vốn ngân hàng của UBND cấp huyện (Mẫu số 02/HTLS).
- Thông báo của ngân hàng thương mại về việc quyết định cho nhà đầu tư vay vốn.
- Hồ sơ thanh, quyết toán khoản hỗ trợ lãi suất tín dụng ngân hàng thực hiện theo quy định tại mục 1 phần VII, chương II hướng dẫn này.

II. TRÌNH TỰ, THỦ TỤC, HỒ SƠ HỖ TRỢ ĐẦU TƯ

1. Nội dung, điều kiện và mức hỗ trợ

Thực hiện theo quy định tại Điều 7, 8, 12 Chương II, Nghị quyết số 08/2019/NQ-HĐND.

2. Trình tự, thủ tục, quyết định hỗ trợ đầu tư

a) Sau khi dự án được Nhà đầu tư nghiệm thu hoàn thành bàn giao và đưa vào sử dụng, Nhà đầu tư làm thủ tục đề nghị hỗ trợ (gửi 06 bộ hồ sơ gồm Dự án đầu tư, văn bản đề nghị hỗ trợ theo mẫu 01/HTĐT (hỗ trợ đầu tư) đến UBND cấp huyện nơi thực hiện dự án.

b) Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ đề nghị hỗ trợ đầu tư, UBND cấp huyện có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các cơ quan thành lập Hội đồng nghiệm thu toàn bộ dự án, thẩm tra hồ sơ đề nghị hỗ trợ đầu tư và báo cáo UBND tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư kết quả thẩm tra (theo mẫu số 03/HTĐT), gồm:

- Thẩm tra dự án thuộc đối tượng thụ hưởng hỗ trợ đầu tư theo quy định tại Nghị quyết số 08/2019/NQ-HĐND;

- Thẩm tra nội dung, định mức, đáp ứng điều kiện hỗ trợ theo quy định tại Điều 7, 8, 12 Nghị quyết số 08/2019/NQ-HĐND;

- Kiểm tra hiện trường đánh giá dự án đầu tư xây dựng theo Biên bản nghiệm thu, hồ sơ hoàn thành công trình do Nhà đầu tư cung cấp theo quy định của Luật Xây dựng.

- Thẩm tra nội dung, định mức thanh toán theo quy định của Luật ngân sách nhà nước đối với phần chứng từ thanh toán cho hạng mục công trình.

c) Trong vòng 15 ngày làm việc, Sở Kế hoạch và Đầu tư có báo cáo thẩm định báo cáo UBND tỉnh quyết định hỗ trợ hoặc từ chối. Trường hợp từ chối cam kết hỗ trợ cho doanh nghiệp, có văn bản gửi Nhà đầu tư nêu rõ lý do.

d) Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp danh sách Dự án được hỗ trợ đầu tư trình UBND tỉnh phân bổ vốn hỗ trợ đầu tư theo kỳ ngân sách (6 tháng hoặc năm kế hoạch).

3. Thành phần hồ sơ đề nghị hỗ trợ

a) Văn bản đề nghị hỗ trợ của Nhà đầu tư (mẫu số 01/HTĐT);

b) Bản sao chứng minh nhân dân, thẻ căn cước hoặc hộ chiếu đối với Nhà đầu tư là cá nhân; bản sao Giấy chứng nhận thành lập doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Giấy chứng nhận đăng ký HTX hoặc tài liệu tương đương khác xác nhận tư cách pháp lý đối với Nhà đầu tư là tổ chức.

c) Bản sao Quyết định chủ trương đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (nếu có) hoặc Quyết định phê duyệt dự án theo quy định của pháp luật đối với dự án không thuộc trường hợp quyết định chủ trương đầu tư hoặc cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

d) Hồ sơ bảo vệ môi trường phù hợp với quy mô đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt (nếu có), theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường.

đ) Hợp đồng thuê đất hoặc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của cấp có thẩm quyền (Bản sao có chứng thực);

e) Hợp đồng, biên bản nghiệm thu và thanh lý hợp đồng, hóa đơn tài chính; Bảng tổng hợp các chi phí và các chứng từ chứng minh chi phí đã thực hiện đầu tư xây dựng các hạng mục, mua dây chuyền, thiết bị,...;

f) Đối với xây dựng cơ sở hạ tầng ngoài hàng rào:

+ Hợp đồng kinh tế, biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành và thanh lý hợp đồng; hóa đơn, chứng từ chứng minh chi phí có liên quan;

+ Trường hợp tự thực hiện thì có thiết kế, bảng tổng hợp các chi phí đã thực hiện và các chứng từ chứng minh chi phí thực hiện.

4. Nghiệm thu dự án đầu tư

a) Căn cứ đề nghị nghiệm thu của Nhà đầu tư, trong thời hạn 15 ngày làm việc, UBND cấp huyện chủ trì mời các cơ quan liên quan tham gia Hội đồng nghiệm thu; để thẩm định hồ sơ đề nghị hỗ trợ của Nhà đầu tư.

b) Nội dung nghiệm thu: Nghiệm thu toàn bộ dự án theo Định mức hỗ trợ đối với từng loại hạng mục, công trình được phê duyệt tại Quyết định của UBND tỉnh về ban hành định mức hỗ trợ đối với từng loại hạng mục, công trình thuộc dự án khuyến khích đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2020-2025.

c) Biên bản nghiệm thu của Hội đồng nghiệm thu (theo Mẫu số 04/HTĐT).

d) Hồ sơ nghiệm thu, thanh toán:

- Biên bản nghiệm thu của Hội đồng nghiệm thu (theo Mẫu số 04/HTĐT).
- Hồ sơ hoàn thành dự án đầu tư xây dựng công trình lập theo quy định tại Thông tư số 26/2016/TT-BXD ngày 26/10/2016 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;
- Biên bản nghiệm thu, thanh lý hợp đồng dự án hoàn thành theo quy định (bản chính); Các chứng từ thanh toán hạng mục công trình đề nghị hỗ trợ (hóa đơn, giấy chuyển tiền của Nhà đầu tư cho đơn vị thực hiện).

5. Thủ tục nhận hỗ trợ

- Đối với nguồn vốn ngân sách nhà nước hỗ trợ cho các doanh nghiệp, hợp tác xã (gọi tắt là đơn vị, tổ chức) hỗ trợ bằng hình thức lệnh chi tiền. Các đơn vị, tổ chức gửi hồ sơ đến Sở Tài chính (hoặc UBND cấp huyện) sau đó cấp phát bằng hình thức lệnh chi tiền cho đơn vị, tổ chức được hỗ trợ. Trong trường hợp này đơn vị, tổ chức gửi hồ sơ đề nghị hỗ trợ đến cơ quan tài chính kiểm soát và cấp phát bằng lệnh chi tiền chuyển qua Tabmis sang Kho bạc để hạch toán cho đơn vị, tổ chức.

- Trường hợp thực hiện theo dự án đầu tư: Đơn vị, tổ chức được hỗ trợ mà được giao nhiệm vụ làm chủ đầu tư (mở tài khoản cấp phát đầu tư và mã dự án tại Kho bạc nhà nước tỉnh) và thực hiện theo quy trình giải ngân vốn đầu tư:

Đơn vị, tổ chức gửi Kho bạc nhà nước tỉnh 01 bộ hồ sơ đề nghị giải ngân hỗ trợ đến Kho bạc nhà nước tỉnh để được giải ngân các khoản hỗ trợ trong vòng 5 ngày làm việc gồm:

- + Văn bản đề nghị thanh toán (theo mẫu số 04/HTĐT);
- + Biên bản nghiệm thu của hội đồng nghiệm thu (theo mẫu số 04/HTĐT).
- + Quyết định giao vốn của cơ quan có thẩm quyền.
- + Giấy đề nghị thanh toán vốn đầu tư, giấy rút vốn đầu tư.

III. TRÌNH TỰ, THỦ TỤC, HỒ SƠ HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN THƯƠNG HIỆU

1. Nội dung, điều kiện và mức hỗ trợ: Thực hiện theo quy định tại khoản 1, 2, 3, Điều 9, Nghị quyết số 08/2019/NQ-HĐND.

2. Thành phần, số lượng hồ sơ đề nghị hỗ trợ

2.1. Đối với nội dung hỗ trợ tại Khoản 1 Điều 9, Nghị quyết số 08/2019/NQ-HĐND:

- Công văn đề nghị hỗ trợ (Mẫu số 01/SKHCM);
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp); Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã (đối với hợp tác xã); Giấy đăng ký kinh doanh (đối với cá nhân, hộ kinh doanh) (bản sao);

- Quyết định ưu đãi, hỗ trợ đầu tư cho doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức, cá nhân, hộ kinh doanh đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn do Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt (bản sao);

- Hợp đồng ký kết giữa nhà đầu tư với đơn vị làm dịch vụ, biên bản nghiệm thu, thanh lý hợp đồng (bản sao các chứng từ, hóa đơn, giấy chuyển tiền của nhà đầu tư cho đơn vị thực hiện);

- Kết quả/sản phẩm cuối cùng: Về xây dựng hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm: Nhà đầu tư được cấp mã code QR và tem truy xuất nguồn gốc.

- Số lượng hồ sơ: 02 bộ.

2.2. Đối với nội dung hỗ trợ tại Khoản 2 Điều 9 Nghị quyết số 08/2019/NQ-HĐND

- Công văn đề nghị hỗ trợ (Mẫu số 01/SKHHCN (Sở Khoa học và công nghệ));

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp); giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã (đối với hợp tác xã); giấy đăng ký kinh doanh (đối với cá nhân, hộ kinh doanh) (bản sao);

- Quyết định ưu đãi, hỗ trợ đầu tư cho doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức, cá nhân, hộ kinh doanh đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn do Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt (bản sao);

- Hợp đồng ký kết giữa nhà đầu tư với đơn vị làm dịch vụ thiết kế hệ thống nhận diện thương hiệu (logo nhãn hiệu, nhãn hàng hóa, bao bì...), biên bản nghiệm thu, thanh lý hợp đồng (bản sao các chứng từ, hóa đơn, giấy chuyển tiền của nhà đầu tư cho đơn vị thực hiện);

- Kết quả đăng ký nhãn hiệu: Quyết định bảo hộ nhãn hiệu của Cục Sở hữu trí tuệ Việt Nam (*Thủ tục đăng ký được thực hiện theo Thông tư 01/2007/TT-BKHCN và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Khoa học và Công nghệ*). Ngày ban hành của Quyết định sau ngày 20/12/2019 - Thời điểm Nghị quyết 08/2019/NQ-HĐND ngày 10/12/2019 có hiệu lực.

- Số lượng hồ sơ: 02 bộ.

2.3. Đối với nội dung hỗ trợ tại Khoản 3 Điều 9 Nghị quyết số 08/2019/NQ-HĐND:

- Công văn đề nghị hỗ trợ (Mẫu số 01/SNN);

- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp); Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã (đối với hợp tác xã); Hộ khẩu thường trú hoặc Chứng minh thư nhân dân (đối với cá nhân);

- Hợp đồng ký kết giữa nhà đầu tư với đơn vị làm dịch vụ, biên bản nghiệm thu, thanh lý hợp đồng (bản sao các chứng từ, hóa đơn, giấy chuyển tiền của nhà đầu tư cho đơn vị thực hiện);

- Kết quả/sản phẩm cuối cùng: Bản sao chứng nhận sản phẩm đạt tiêu chuẩn VietGAP và GlobalGAP, Organic; Nhà đầu tư được cấp giấy chứng nhận sản phẩm phù hợp tiêu chuẩn do các tổ chức chứng nhận cấp.

- Số lượng hồ sơ: 02 bộ.

3. Trình tự thực hiện

3.1. Đối với nội dung khoản 1, 2 Điều 9 Nghị quyết số 08/2019/NQ-HĐND

a) Nhà đầu tư nộp hồ sơ đề nghị hỗ trợ trực tiếp (hoặc qua đường bưu điện) qua Trung tâm dịch vụ hành chính công về Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Lạng Sơn.

b) Sau khi tiếp nhận được hồ sơ đề nghị hỗ trợ, Sở KH-CN xem xét hồ sơ đề nghị và thực hiện các bước sau:

- Trong trường hợp hồ sơ đề nghị hỗ trợ đáp ứng điều kiện nhưng không đầy đủ: trong thời hạn 05 ngày làm việc, Sở KH-CN thông báo cho Nhà đầu tư bổ sung các loại giấy tờ theo quy định.

- Trong trường hợp hồ sơ đầy đủ, đáp ứng điều kiện và hợp lệ:

+ Sở KH-CN tiếp nhận và tiến hành thành lập tổ thẩm định hồ sơ của Nhà đầu tư.

+ Trên cơ sở kết quả làm việc của Tổ thẩm định, Sở KH-CN xem xét, trình UBND tỉnh xem xét, quyết định.

c) Thủ tục thanh toán: Căn cứ Quyết định hỗ trợ kinh phí của UBND tỉnh, Sở Tài chính giao dự toán kinh phí cho Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Khoa học và Công nghệ tiến hành cấp kinh phí hỗ trợ cho Nhà đầu tư theo quy định.

3.2. Đối với nội dung khoản 3 Điều 9 Nghị quyết số 08/2019/NQ-HĐND

a) Nhà đầu tư nộp hồ sơ đề nghị hỗ trợ trực tiếp (hoặc qua đường bưu điện) về UBND cấp huyện (qua phòng Nông nghiệp và PTNT các huyện, phòng Kinh tế thành phố).

b) Sau khi tiếp nhận được hồ sơ đề nghị hỗ trợ phòng Nông nghiệp và PTNT các huyện, phòng Kinh tế thành phố xem xét hồ sơ đề nghị và thực hiện các bước sau:

- Trong trường hợp hồ sơ đầy đủ, đáp ứng điều kiện và hợp lệ: Phòng Nông nghiệp và PTNT các huyện, phòng Kinh tế thành phố trực tiếp thẩm định hiện trường dự án, mô hình được hỗ trợ và nghiệm thu hồ sơ; nếu hồ sơ đủ điều kiện theo quy định thì trình UBND cấp huyện; UBND cấp huyện tổng hợp gửi Sở Nông nghiệp và PTNT xem xét trình UBND tỉnh phê duyệt hỗ trợ;

- Trong trường hợp hồ sơ đề nghị hỗ trợ chưa đáp ứng điều kiện, chưa đầy đủ: trong thời hạn 05 ngày làm việc, phòng Nông nghiệp và PTNT các

huyện, phòng Kinh tế thành phố thông báo cho Nhà đầu tư bổ sung hồ sơ theo quy định.

c) Thủ tục thanh toán:

Căn cứ Quyết định Phê duyệt hỗ trợ đầu tư của UBND tỉnh, Sở Tài chính trình UBND tỉnh giao kinh phí hỗ trợ cho UBND cấp huyện;

Căn cứ quyết định của UBND tỉnh, UBND cấp huyện giao phòng Tài chính Kế hoạch thực hiện cấp kinh phí cho các đối tượng được hỗ trợ.

IV. TRÌNH TỰ, THỦ TỤC, HỒ SƠ HỖ TRỢ MỞ RỘNG THỊ TRƯỜNG

1. Nội dung, điều kiện và mức hỗ trợ: Thực hiện theo quy định tại khoản 4, 5, 6, Điều 9, Nghị quyết số 08/2019/NQ-HĐND.

2. Quy trình lập, xây dựng và phê duyệt kế hoạch hỗ trợ kinh phí mở rộng thị trường

2.1. Các nhà đầu tư có nhu cầu được hỗ trợ kinh phí hỗ trợ mở rộng thị trường, chậm nhất vào ngày 30/6 của năm trước năm kế hoạch, lập Đề án hỗ trợ mở rộng thị trường (tổ chức hoạt động tuyên truyền, quảng bá sản phẩm nông sản trên phương tiện thông tin đại chúng; tham gia hội chợ, triển lãm trong nước và ngoài nước; thuê địa điểm bán sản phẩm trong nước áp dụng quy trình sản xuất nông nghiệp tốt hoặc áp dụng tiêu chuẩn tương tự, nông nghiệp hữu cơ) gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện tại UBND cấp huyện (qua Phòng Kinh tế thành phố, Phòng Kinh tế và Hạ tầng các huyện).

Hồ sơ nộp 01 bộ, gồm:

a) Đơn đề nghị hỗ trợ mở rộng thị trường (theo mẫu số 04/SCT (Sở Công Thương));

b) Phương án mở rộng thị trường (theo mẫu số 01/SCT);

c) Danh mục sản phẩm (theo mẫu số 02/SCT);

d) Bản sao chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp), đăng ký kinh doanh hợp tác xã (đối với hợp tác xã), đăng ký hộ kinh doanh hoặc chứng minh thư nhân nhân (đối với cá nhân).

2.2. UBND cấp huyện tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ, tổng hợp danh sách, lập văn bản đề nghị của nhà đầu tư và dự kiến kinh phí hỗ trợ mở rộng thị trường kèm theo các hồ sơ gửi Sở Công Thương trực tiếp hoặc bằng đường bưu điện.

2.3. Trên cơ sở văn bản đề nghị hỗ trợ mở rộng thị trường của UBND cấp huyện nơi nhà đầu tư đăng ký trụ sở chính; Sở Công Thương lựa chọn, hướng dẫn các tổ chức, cá nhân đủ điều kiện.

2.4. Sở Công Thương căn cứ vào mục tiêu, yêu cầu, nội dung quy định và các văn bản hiện hành tiến hành thẩm định các đề án đề nghị tham gia mở rộng

thị trường tổng hợp Danh mục trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt trước ngày 30/11 của năm trước năm kế hoạch.

2.5. Sau khi có Quyết định phê duyệt của Chủ tịch UBND tỉnh, Sở Công Thương gửi qua đường bưu điện cho cá nhân, tổ chức có tên trong danh sách được biết và triển khai, thực hiện.

3. Trình tự, thủ tục nhận hỗ trợ kinh phí

3.1. Đối với hoạt động tuyên truyền, quảng bá sản phẩm nông sản trên phương tiện thông tin đại chúng; (khoản 4, Điều 9, Nghị quyết số 08/2019/NQ-HĐND).

a) Điều kiện hỗ trợ: Nhà đầu tư tham gia tuyên truyền, quảng bá sản phẩm nông sản trên phương tiện thông tin đại chúng theo quy định và đặt trụ Sở chính trên địa bàn tỉnh, đồng thời có trong danh mục được UBND tỉnh phê duyệt.

b) Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị hỗ trợ (*Theo mẫu số 04/SCT*);
- Bản sao chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp), đăng ký kinh doanh hợp tác xã (đối với hợp tác xã), đăng ký hộ kinh doanh hoặc chứng minh thư nhân nhân (đối với cá nhân);
- Phương án mở rộng thị trường của doanh nghiệp (*Theo mẫu 01/SCT*);
- Danh mục sản phẩm (tên và số lượng) và hồ sơ các sản phẩm (hồ sơ chứng minh chất lượng, nguồn gốc xuất xứ và các điều kiện lưu thông trên thị trường) (*Theo mẫu 02/SCT và kèm bản gốc hồ sơ sản phẩm để đối chiếu*);
- Hình ảnh thông tin về nhà đầu tư, sản phẩm; logo của nhà đầu tư cần đăng thông tin tuyên truyền quảng bá;
- Hợp đồng giữa Nhà đầu tư với đơn vị thực hiện dịch vụ tuyên truyền, quảng bá, Biên bản nghiệm thu, thanh lý hợp đồng, hóa đơn, chứng từ, giấy chuyên tiền (nếu có) đối với nội dung được hỗ trợ (*bản photo và bản gốc đối chiếu*).

3.2. Đối với nội dung tham gia triển lãm, hội chợ trong nước, ngoài nước; (khoản 5, Điều 9, Nghị quyết số 08/2019/NQ-HĐND).

a) Điều kiện hỗ trợ: Nhà đầu tư tham gia triển lãm, hội chợ trong nước, ngoài nước do các Bộ, ngành hoặc UBND cấp tỉnh chỉ đạo và đặt trụ sở chính trên địa bàn tỉnh, đồng thời Nhà đầu tư có trong danh mục được UBND tỉnh phê duyệt.

b) Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị hỗ trợ (*Theo mẫu số 04/SCT*);
- Bản sao chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp), đăng ký kinh doanh

hợp tác xã (đối với hợp tác xã), đăng ký hộ kinh doanh hoặc chứng minh thư nhân dân (đối với cá nhân).

- Bản sao hợp lệ văn bản của cấp có thẩm quyền đối với việc tham gia hội chợ, triển lãm ngoài tỉnh (Công văn mời tham gia hội chợ, triển lãm, Kế hoạch của Hội chợ,...);

- Phương án mở rộng thị trường của doanh nghiệp (*Theo mẫu 01/SCT*);

- Danh mục sản phẩm (tên và số lượng) và hồ sơ các sản phẩm (hồ sơ chứng minh chất lượng, nguồn gốc xuất xứ và các điều kiện lưu thông trên thị trường) tham gia hội chợ triển lãm (*Theo mẫu 02/SCT và kèm bản gốc hồ sơ sản phẩm để đối chiếu*);

- Xác nhận của Ban tổ chức Hội chợ về việc tham gia hội chợ, triển lãm và việc chấp hành các quy định của Ban tổ chức trong thời gian tham gia hội chợ, triển lãm (*Theo mẫu 03/SCT*);

- Hợp đồng giữa Nhà đầu tư với đơn vị tổ chức hội chợ triển lãm, biên bản nghiệm thu, thanh lý hợp đồng, hóa đơn, chứng từ, giấy chuyển tiền (nếu có) đối với nội dung được hỗ trợ (*bản photo và bản gốc đối chứng*).

3.3. Đối với nội dung thuê địa điểm bán sản phẩm trong nước áp dụng quy trình sản xuất nông nghiệp tốt hoặc áp dụng tiêu chuẩn tương tự, nông nghiệp hữu cơ; (khoản 6, Điều 9, Nghị quyết số 08/2019/NQ-HĐND).

a) Điều kiện hỗ trợ: Nhà đầu tư thuê địa điểm trên địa bàn tỉnh để bán sản phẩm trong nước áp dụng quy trình sản xuất nông nghiệp tốt hoặc áp dụng tiêu chuẩn tương tự, nông nghiệp hữu cơ và nhà đầu tư có trong danh mục được UBND tỉnh phê duyệt.

b) Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị hỗ trợ (*Theo mẫu số 04/SCT*);

- Bản sao chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp), đăng ký kinh doanh hợp tác xã (đối với hợp tác xã), đăng ký hộ kinh doanh hoặc chứng minh thư nhân dân (đối với cá nhân);

- Bản sao hợp lệ Hợp đồng thuê địa điểm trên địa bàn tỉnh giữa nhà đầu tư và chủ sở hữu địa điểm;

- Bản sao hợp lệ chứng từ thu tiền thuê địa điểm của chủ địa điểm;

- Thanh lý hợp đồng, chứng từ thành toán tiền hoặc giấy chuyển tiền (nếu có) đối với nội dung được hỗ trợ (*bản photo và bản gốc đối chứng*);

- Phương án mở rộng thị trường của doanh nghiệp (*Theo mẫu 01/SCT*);

- Danh mục sản phẩm (tên và số lượng) và hồ sơ các sản phẩm (hồ sơ chứng minh chất lượng, nguồn gốc xuất xứ và các điều kiện lưu thông trên thị trường) (*Theo mẫu 02/SCT và kèm bản gốc hồ sơ sản phẩm để đối chiếu*);

3.4. Số lượng hồ sơ: 02 bộ/01 nội dung đề xuất hỗ trợ.

3.5. Quy trình thực hiện:

- Nhà đầu tư có trong danh mục được UBND tỉnh phê duyệt thực hiện hỗ trợ gửi hồ sơ nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Sở Công Thương tỉnh Lạng Sơn (Sau khi đã thực hiện xong đề án).

- Trong vòng 15 ngày, kể từ khi nhận được văn bản đề nghị hỗ trợ kinh phí và hồ sơ của nhà đầu tư (theo dấu văn bản đến), Sở Công Thương thành lập hội đồng thẩm định hồ sơ, Hội đồng thẩm định kiểm tra thực tế, đánh giá hồ sơ sau đó lập biên bản thống nhất nội dung nhà đầu tư có đủ hoặc chưa đủ điều kiện hỗ trợ.

- Căn cứ vào biên bản của Hội đồng thẩm định, Sở Công Thương báo cáo UBND tỉnh ban hành quyết định hỗ trợ kinh phí đối với nhà đầu tư đủ điều kiện, đồng thời đăng tải trên cổng thông tin điện tử của Sở Công Thương và Sở Kế hoạch & Đầu tư.

- Căn cứ quyết định hỗ trợ kinh phí của UBND tỉnh, Sở Tài chính sẽ giao bổ sung dự toán cho Sở Công Thương.

3.6. Thanh toán kinh phí hỗ trợ: Căn cứ dự toán do Sở Tài chính giao, Sở Công Thương tổ chức cấp hỗ trợ kinh phí cho nhà đầu tư theo quy định.

V. TRÌNH TỰ, THỦ TỤC, HỒ SƠ HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN HỢP TÁC, LIÊN KẾT TRONG SẢN XUẤT VÀ TIÊU THỤ SẢN PHẨM NÔNG NGHIỆP

1. Nội dung và mức hỗ trợ: Thực hiện theo quy định tại Điều 10, Nghị quyết số 08/2019/NQ-HĐND.

2. Các bước thực hiện hỗ trợ

a) Bước 1: Chủ trì liên kết gửi 01 bộ hồ sơ (*tại trung tâm hành chính công*) đề nghị hỗ trợ về Sở Nông nghiệp và PTNT đối với dự án do UBND tỉnh phê duyệt; gửi hồ sơ về Phòng Nông nghiệp và PTNT hoặc Phòng Kinh tế thành phố đối với dự án do UBND cấp huyện, thành phố phê duyệt. Hồ sơ đề nghị gồm có:

+ Đơn đề nghị hỗ trợ liên kết. (Mẫu số 02/SNN (Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn))

+ Dự án liên kết. (Mẫu số 03/SNN)

+ Kế hoạch đề nghị hỗ trợ liên kết được cấp có thẩm quyền phê duyệt (Mẫu số 04/SNN).

+ Bản thỏa thuận cử đơn vị làm chủ đầu tư dự án liên kết (hoặc chủ trì liên kết) (Mẫu số 05/SNN)

+ Bản cam kết bảo đảm các quy định của pháp luật về tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, an toàn thực phẩm, an toàn dịch bệnh và bảo vệ môi trường. (Mẫu số 06/SNN)

+ Bản sao chụp Hợp đồng liên kết.

b) Bước 2:

Cấp tỉnh (dự án do UBND tỉnh phê duyệt): Sở Nông nghiệp và PTNT thành lập Hội đồng nghiệm thu hồ sơ. Trong vòng 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ Hội đồng nghiệm thu tiến hành nghiệm thu hồ sơ đề nghị hỗ trợ, nếu đủ điều kiện theo quy định thì trình UBND tỉnh phê duyệt;

Cấp huyện (dự án do UBND cấp huyện, thành phố phê duyệt): Phòng Nông nghiệp và PTNT hoặc Phòng Kinh tế thành lập Hội đồng nghiệm thu. Trong vòng 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ Hội đồng nghiệm thu tiến hành nghiệm thu hồ sơ đề nghị hỗ trợ, nếu đủ điều kiện theo quy định thì trình UBND huyện, thành phố phê duyệt.

Đối với trường hợp chưa đủ điều kiện hỗ trợ do hồ sơ chưa đầy đủ thì cơ quan chủ trì nghiệm thu thông báo (nêu rõ lý do) và hướng dẫn chủ trì liên kết chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ theo đúng quy định. Trường hợp chủ trì liên kết không hoàn thiện được hồ sơ theo quy định thì cơ quan có thẩm quyền thông báo đến chủ trì liên kết lý do không hỗ trợ (Mẫu Biên bản nghiệm thu số 07/SNN).

VI. TRÌNH TỰ, THỦ TỤC, HỒ SƠ HỖ TRỢ THÀNH LẬP MỚI VÀ ĐƯA TRÍ THỨC TRỞ VỀ LÀM VIỆC TẠI HỢP TÁC XÃ HOẠT ĐỘNG TRONG LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP

1. Nội dung và mức hỗ trợ: Thực hiện theo quy định tại Điều 11, Nghị quyết số 08/2019/NQ-HĐND.

2. Hỗ trợ thành lập mới hợp tác xã nông nghiệp

a) Nội dung hỗ trợ: theo khoản 1, Điều 11, Nghị quyết số 08/2019/NQ-HĐND.

b) Thủ tục hồ sơ hỗ trợ:

Bước 1. Hội đồng quản trị hợp tác xã gửi văn bản đề nghị hỗ trợ về Phòng Tài chính - Kế hoạch (thuộc UBND cấp huyện) để tổng hợp.

Hồ sơ gồm có:

- Đơn đề nghị hỗ trợ thành lập Hợp tác xã (HTX) (Mẫu số 08/SNN);
- Bảng kê chi phí tuyên truyền, vận động thành lập HTX (Kèm theo Mẫu số 09/SNN);
- Biên bản Hội nghị thành lập HTX (có xác nhận của chính quyền địa phương hoặc cơ quan quản lý nhà nước về loại hình sản xuất kinh doanh);
- Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã (bản photo);
- Điều lệ hợp tác xã; phương án sản xuất, kinh doanh của hợp tác xã liên quan đến phát triển sản phẩm chủ lực hoặc tham gia chương trình OCOP, chương trình phát triển, hỗ trợ khác của tỉnh, huyện...;

Bước 2: Phòng Tài chính - Kế hoạch tiến hành thẩm định tại địa bàn thành lập Hợp tác xã, nghiệm thu hồ sơ đề nghị hỗ trợ, nếu đủ điều kiện theo quy định thì trình UBND cấp huyện; UBND cấp huyện tổng hợp gửi Sở Kế

hoạch và Đầu tư trình UBND tỉnh phê duyệt hỗ trợ;

Đối với trường hợp chưa đủ điều kiện hỗ trợ do hồ sơ chưa đầy đủ thì cơ quan thẩm định hồ sơ thông báo (nêu rõ lý do) và hướng dẫn Hợp tác xã chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ theo đúng quy định. Trường hợp Hợp tác xã không hoàn thiện được hồ sơ theo quy định thì thông báo đến Hợp tác xã lý do không hỗ trợ.

3. Hỗ trợ đưa trí thức trẻ về làm việc có thời hạn tại hợp tác xã

a) Đối tượng áp dụng

- Hợp tác xã nông nghiệp tổ chức và hoạt động theo Luật HTX năm 2012 có nhu cầu sử dụng trí thức trẻ tốt nghiệp cao đẳng trở lên.

- Trí thức trẻ có trình độ cao đẳng trở lên chuyên ngành kinh tế, kế toán, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành kỹ thuật nông, lâm nghiệp và thủy sản.

b) Tiêu chuẩn lựa chọn trí thức trẻ

- Có phẩm chất đạo đức tốt, có tinh thần trách nhiệm, năng động và sáng tạo.

- Độ tuổi không quá 35 đối với nữ và 40 tuổi đối với nam, có đủ sức khỏe, trình độ chuyên môn từ cao đẳng trở lên chuyên ngành kinh tế, kế toán, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản phù hợp với nhu cầu vị trí việc làm của Hợp tác xã, có khả năng tham mưu tốt cho ban quản lý Hợp tác xã trong việc xây dựng và triển khai phương án, kế hoạch sản xuất, kinh doanh hiệu quả.

- Có nguyện vọng về làm việc tại hợp tác xã trong thời gian tối thiểu 03 năm (36 tháng) tuân thủ quy chế làm việc của Hợp tác xã.

- Ưu tiên: Cán bộ kỹ thuật, cán bộ kế toán để hỗ trợ quản trị, áp dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật vào sản xuất kinh doanh phù hợp với nhu cầu và lĩnh vực hoạt động chính của Hợp tác xã; trí thức trẻ là con em trong các thành viên hợp tác xã, người dân tộc thiểu số, vùng đặc biệt khó khăn nhưng vẫn bảo đảm đáp ứng về năng lực, trình độ; sau đó là các cán bộ trẻ từ địa bàn khác được lựa chọn có bằng loại giỏi xuất sắc, đã có kinh nghiệm thực tiễn.

c) Trình tự thực hiện

Bước 1. Hợp tác xã nông nghiệp có nhu cầu gửi văn bản đề nghị, phương án sử dụng lao động, kế hoạch kinh doanh gửi Phòng Nông nghiệp và phát triển nông thôn (phòng Kinh tế) cấp huyện. Ủy ban nhân dân cấp huyện rà soát, tổng hợp gửi Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn.

Bước 2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phối hợp với các Sở, ban ngành liên quan thẩm định, lựa chọn các Hợp tác xã đáp ứng yêu cầu tiêu chí trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt hỗ trợ trí thức trẻ.

* Hồ sơ của hợp tác xã gồm:

- Giấy đề nghị của Hợp tác xã về hỗ trợ đưa trí thức trẻ về làm việc có thời hạn (Mẫu số 10/SNN);

- Phương án sử dụng lao động (Mẫu số 11/SNN);
- Phương án sản xuất, kinh doanh của Hợp tác xã (Mẫu số 12/SNN);
- Đơn xin làm việc và có cam kết phục vụ lâu dài tại Hợp tác xã (của Trí thức trẻ).
- Sở yếu lý lịch có xác nhận của chính quyền địa phương;
- Giấy khám sức khỏe (trong thời hạn 6 tháng kể từ ngày nhận hồ sơ);
- Các văn bằng, chứng chỉ.

d) Chế độ chính sách:

- Mức hỗ trợ bằng số lượng người lao động nhân (x) mức lương tối thiểu vùng/tháng.
- Các khoản phải trích nộp theo quy định của pháp luật hiện hành (ví dụ: BHXH, BHYT, BHTN ...) do hợp tác xã và người lao động chi trả theo quy định.

VII. TRÌNH TỰ, THỦ TỤC, HỒ SƠ THANH, QUYẾT TOÁN CÁC KHOẢN HỖ TRỢ

1. Trình tự, thủ tục thanh, quyết toán khoản hỗ trợ lãi suất tín dụng ngân hàng

a) Định kỳ hàng quý (10 ngày đầu tháng quý sau), các chi nhánh ngân hàng tại các huyện, thành phố lập Bảng kê hỗ trợ lãi suất tín dụng (Mẫu số 05/STC (Sở Tài Chính)) gửi Phòng Tài chính – Kế hoạch các huyện, thành phố xem xét thẩm tra.

b) Phòng Tài chính – Kế hoạch các huyện, thành phố: Trong thời hạn 05 ngày làm việc (theo dấu văn bản đến), kể từ ngày nhận được Bảng kê hỗ trợ lãi suất tín dụng do ngân hàng chi nhánh các huyện, thành phố gửi, chủ trì phối hợp với phòng Nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện và các đơn vị liên quan thực hiện thẩm tra, kiểm soát hồ sơ chứng từ, bảo đảm các điều kiện thanh toán tại đề nghị hỗ trợ lãi suất tín dụng của các ngân hàng, tham mưu cho UBND huyện lập tờ trình đề nghị hỗ trợ lãi suất tín dụng gửi Sở Tài chính.

Hồ sơ gửi sở Tài chính gồm:

- Bảng kê hỗ trợ lãi suất tín dụng của ngân hàng cho vay vốn (Mẫu số 05/STC).
- Tờ trình của UBND cấp huyện về việc đề nghị hỗ trợ lãi suất tín dụng kèm theo Bảng tổng hợp đề nghị cấp hỗ trợ lãi suất tín dụng (Mẫu số 06/STC).
- Biên bản thẩm định kinh phí hỗ trợ lãi suất tín dụng của tổ thẩm định đối với đề nghị hỗ trợ lãi suất tín dụng của các ngân hàng (Mẫu số 01/STC).

c) Sở Tài chính căn cứ Tờ trình của UBND cấp huyện trong thời hạn 5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận tờ trình (theo dấu công văn đến), thực hiện thẩm

định và trình UBND tỉnh bổ sung dự toán chi ngân sách nhà nước cho các huyện, thành phố kinh phí hỗ trợ lãi suất tín dụng.

d) Phòng Tài chính - Kế hoạch các huyện, thành phố căn cứ Quyết định cấp kinh phí của UBND tỉnh, trong thời hạn 5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được quyết định (theo dấu văn bản đến), cấp hỗ trợ kinh phí cho các ngân hàng cho vay vốn bằng hình thức lệnh chi tiền qua Kho bạc nhà nước.

e) Công tác quyết toán: Kết thúc năm ngân sách, Phòng Tài chính – Kế hoạch các huyện, thành phố quyết toán kinh phí hỗ trợ lãi suất vốn vay vào quyết toán ngân sách các huyện, thành phố hàng năm. Đồng thời tổng hợp quyết toán kinh phí cùng với quyết toán ngân sách huyện theo quy định.

2. Trình tự, thủ tục thanh, quyết toán các khoản hỗ trợ Tại điều 7, điều 8 và điều 12 tại Nghị Quyết 08/2019/NQ-HĐND

2.1 Thành phần hồ sơ thanh toán vốn hỗ trợ đầu tư:

- Văn bản đề nghị cấp kinh phí của Nhà đầu tư (mẫu số 02/STC kèm theo công văn này);
- Chứng từ kế toán theo quy định của Bộ Tài chính;
- Quyết định giao vốn của UBND tỉnh;
- Văn bản cam kết hỗ trợ vốn cho dự án của UBND tỉnh;
- Biên bản nghiệm thu hạng mục hoặc dự án hoàn thành (mẫu biên bản 03/STC kèm theo công văn) .

2.2 Trình tự thanh toán vốn hỗ trợ đầu tư:

- Nhà đầu tư thực hiện mở mã số dự án theo hướng dẫn tại Thông tư số 85/2015/TT-BTC ngày 17/11/2015 của Bộ Tài chính Hướng dẫn đăng ký, cấp và sử dụng mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách;
- Nhà đầu tư gửi hồ sơ đề nghị thanh toán vốn hỗ trợ đến Kho bạc nhà nước Lạng Sơn để thực hiện giải ngân thanh toán (Mẫu số 04/STC).

3. Trình tự, thủ tục thanh, quyết toán các khoản hỗ trợ Tại điều 10, Nghị Quyết 08/2019/NQ-HĐND.

3.1. Thành phần hồ sơ thanh toán

- Công văn đề nghị cấp kinh phí (Mẫu số 02/STC);
- Dự án liên kết (Mẫu số 02/SNN);
- Kế hoạch đề nghị hỗ trợ liên kết (Mẫu số 03/SNN);;
- Bản thỏa thuận cử đơn vị làm chủ đầu tư dự án liên kết (hoặc chủ trì liên kết) (Mẫu số 04/SNN);
- Bản cam kết bảo đảm các quy định của pháp luật về tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, an toàn thực phẩm, an toàn dịch bệnh và bảo vệ môi trường. (Mẫu số 05/SNN).

- Quyết định phê duyệt dự án hỗ trợ.

3.2. Trình tự thanh toán

a) Đối với dự án cấp tỉnh phê duyệt: Nhà đầu tư gửi hồ sơ trực tiếp (hoặc qua đường bưu điện) đến Sở Tài chính. Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (theo dấu công văn đến), Sở Tài chính xem xét trình UBND tỉnh quyết định cấp kinh phí.

Căn cứ quyết định của UBND tỉnh, Sở Tài chính thực hiện cấp kinh phí cho các đối tượng được hưởng bằng lệnh chi tiền qua kho bạc nhà nước.

b) Đối với dự án cấp huyện phê duyệt: Nhà đầu tư gửi hồ sơ trực tiếp (hoặc qua đường bưu điện) đến UBND cấp huyện. Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (theo dấu công văn đến), UBND cấp huyện tổng hợp báo cáo Sở Tài chính xem xét trình UBND tỉnh quyết định cấp kinh phí cho UBND cấp huyện để thực hiện chi hỗ trợ.

Căn cứ quyết định của UBND tỉnh, UBND cấp huyện giao phòng Tài chính Kế hoạch thực hiện cấp kinh phí cho các đối tượng được hưởng bằng lệnh chi tiền qua kho bạc nhà nước.

4. Trình tự, thủ tục thanh, quyết toán các khoản hỗ trợ điều 11 Nghị Quyết 08/2019/NQ-HĐND.

4.1. Thành phần hồ sơ thanh toán

- Công văn đề nghị cấp kinh phí (Mẫu số 02/STC);
- Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã; Hợp tác xã có phương án sử dụng lao động; ký hợp đồng lao động với người lao động theo quy định của Bộ Luật Lao động hiện hành và các văn bản hướng dẫn;
- Hợp tác xã thuộc đối tượng hỗ trợ theo Kế hoạch hỗ trợ phát triển HTX được UBND cấp tỉnh phê duyệt, thuộc Kế hoạch hỗ trợ bồi dưỡng nguồn nhân lực HTX của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.
- Đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt kế hoạch kinh phí.
- Mức hỗ trợ theo khoản 2 điều 11: Mức hỗ trợ tối đa cho một HTX bằng số lượng lao động được hỗ trợ x (nhân) mức lương tối thiểu vùng x (nhân) số tháng được hỗ trợ.
- Có báo cáo tài chính các khoản phải trích nộp theo quy định của pháp luật hiện hành (Ví dụ: Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn) do HTX và người lao động chi trả theo quy định

4.2. Trình tự thủ tục thanh toán

- Căn cứ quyết định hỗ trợ kinh phí của UBND tỉnh, Sở Tài chính thông báo rút dự toán bổ sung có mục tiêu và nhập dự toán cho UBND các huyện thành phố.
- Phòng Tài chính - Kế hoạch các huyện, thành phố căn cứ kinh phí được hỗ trợ, trong thời hạn 5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo rút dự

toán kinh phí của sở Tài chính (theo dấu văn bản đến), kiểm soát hồ sơ chứng từ, bảo đảm các điều kiện thanh toán, cấp hỗ trợ kinh phí cho các Hợp tác xã bằng hình thức lệnh chi tiền qua Kho bạc nhà nước.

5. Quyết toán các khoản kinh phí hỗ trợ

- Việc quyết toán kinh phí hỗ trợ nhà đầu tư thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn.

- Các khoản kinh phí còn dư (nếu có) phải hoàn trả ngân sách nhà nước, trường hợp có nhu cầu sử dụng phải báo cáo Sở Tài chính xem xét, tổng hợp báo cáo UBND tỉnh xử lý theo quy định.

VIII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

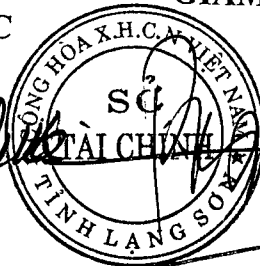
Trong quá trình tổ chức thực hiện có gì vướng mắc, nhà đầu tư, cơ quan liên quan cần kịp thời báo cáo về Sở Kế hoạch và Đầu tư để xem xét, điều chỉnh, bổ sung kịp thời./.

SỞ KẾ HOẠCH VÀ
ĐẦU TƯ
GIÁM ĐỐC



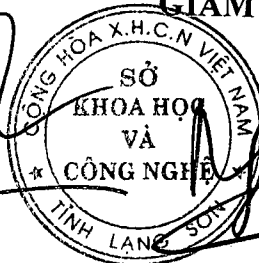
Nguyễn Hữu Chiến

SỞ TÀI CHÍNH
GIÁM ĐỐC



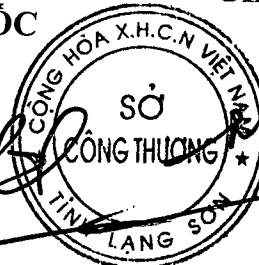
Đoàn Thu Hà

SỞ KHOA HỌC VÀ
CÔNG NGHỆ
GIÁM ĐỐC



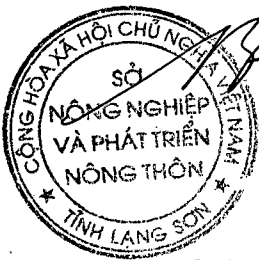
Nguyễn Thị Hà

SỞ CÔNG THƯƠNG
GIÁM ĐỐC



Phùng Quang Hội

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN
NÔNG THÔN
GIÁM ĐỐC



Lý Việt Hưng

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC-CHI NHÁNH
TỈNH
GIÁM ĐỐC



Trương Thu Hòa

PHỤ LỤC

I. MẪU HỒ SƠ HỖ TRỢ LÃI SUẤT TÍN DỤNG

Mẫu số 01/HTLS

NHÀ ĐẦU TƯ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ LÃI SUẤT VAY VỐN NGÂN HÀNG

Kính gửi: Ủy ban nhân dân (*cấp huyện, thành phố*).....

Tên khách hàng vay (*cá nhân, tổ chức*):.....

Địa chỉ :.....

Số điện thoại:..... Fax :.....

Tên người đại diện theo pháp luật (*đối với tổ chức*):..... Chức vụ:.....

Sau khi nghiên cứu cơ chế, chính sách hỗ trợ lãi suất tín dụng tại Nghị quyết số 08/2019/NQ-HĐND ngày 10/12/2019 của HĐND tỉnh về chính sách đặc thù khuyến khích đầu tư, phát triển hợp tác, liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2020 – 2025, *cá nhân/ tổ chức* đề nghị Ủy ban nhân dân (*cấp huyện, thành phố*)..... xem xét quyết định phê duyệt dự án nông nghiệp được hỗ trợ lãi suất tín dụng theo Nghị quyết 08/2019/NQ-HĐND ngày 10/12/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lạng Sơn, cụ thể:

- Nhà đầu tư thuộc đối tượng¹ :

- Tên dự án đầu tư:.....

- Địa điểm thực hiện dự án đầu tư:.....

- Tổng mức đầu tư của dự án:.....

Trong đó, Vốn tự có:.....

Tổng số vốn đề nghị được vay có hỗ trợ lãi suất:.....

Thời gian vay vốn có hỗ trợ lãi suất:.....

Tôi xin cam kết sử dụng vốn vay đúng mục đích, đúng dự án vay được hỗ trợ lãi suất; chấp hành các quy định của pháp luật về cho vay; hoàn trả lại ngay số tiền đã được hỗ trợ lãi suất cho Nhà nước, nếu sử dụng tiền vay không đúng mục đích của đối tượng hỗ trợ lãi suất ghi trong Hợp đồng tín dụng; chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật nếu để xảy ra vi phạm./.

XÁC NHẬN CỦA UBND CẤP HUYỆN

UBND huyện/thành phố xác nhận: ...²

Lạng Sơn, ngày tháng năm

TM.ỦY BAN NHÂN DÂN.....

CHỦ TỊCH

(Ký tên, đóng dấu)

Lạng Sơn, ngày.... tháng.... năm.....

NHÀ ĐẦU TƯ

(Ký tên và đóng dấu/ nếu có)

¹ Ghi rõ Nhà đầu tư có dự án nông nghiệp đặc biệt ưu đãi đầu tư hay Nhà đầu tư có dự án nông nghiệp ưu đãi đầu tư

² Nhà đầu tư có dự án nông nghiệp đặc biệt ưu đãi đầu tư/ Nhà đầu tư có dự án nông nghiệp ưu đãi đầu tư và được hỗ trợ lãi suất tín dụng theo quy định tại Điều 6, Nghị quyết 08/2019/NQ-HĐND ngày 10/12/2019 của HĐND tỉnh Lạng Sơn.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN

Kiểm tra điều kiện hỗ trợ lãi suất tín dụng theo Nghị quyết 08/2019/NQ-HĐND
ngày 10/12/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lạng Sơn

Hôm nay, vào hồi ngày tháng năm tại

chúng tôi gồm có:

A- THÀNH PHẦN**I - Tổ kiểm tra**

* Phòng Tài chính- Kế hoạch - UBND huyện/thành phố....

1.

2.

* Phòng Nông nghiệp và PTNT – UBND huyện/thành phố....

1.

2.

II – Nhà đầu tư

Tên khách hàng vay (*cá nhân, tổ chức*):.....

Tên người đại diện theo pháp luật (*đối với tổ chức*):..... Chức vụ:.....

B- NỘI DUNG KIỂM TRA

Tiến hành kiểm tra việc đáp ứng các điều kiện về hỗ trợ lãi suất tín dụng theo Nghị quyết số 08/2019/NQ-HĐND của Nhà đầu tư, cụ thể:

1. Cơ sở pháp lý để thực hiện dự án đầu tư

.....
.....

2. Kiểm tra thực tế dự án và hồ sơ, tài liệu liên quan

- Tên dự án đầu tư:.....

- Địa điểm thực hiện dự án đầu tư:.....

- Nhà đầu tư thuộc đối tượng³:

- Tổng mức đầu tư của dự án:.....

³ Ghi rõ Nhà đầu tư có dự án nông nghiệp đặc biệt ưu đãi đầu tư hay Nhà đầu tư có dự án nông nghiệp ưu đãi đầu tư. (quy định tại Điều 4, Nghị quyết số 08/2019/NQ- HĐND)

Trong đó, Vốn tự có:.....

Tổng số vốn đề nghị được vay có hỗ trợ lãi suất:.....

Thời gian vay vốn có hỗ trợ lãi suất:.....

- Hiện trạng dự án đầu tư:.....

3. Điều kiện tại khoản 2, Điều 3 và điểm c, Khoản 5, Điều 6 Nghị quyết số 08/2019/NQ-HĐND: (Dự án đề nghị đã được hỗ trợ từ chính sách ưu đãi hoặc hỗ trợ khác chưa)

4. Các vấn đề khác có liên quan

Biên bản kết thúc vào hồi giờ cùng ngày, biên bản đã được các thành phần tham gia nhất trí thông qua và được lập thành 02 bản. 01 bản gửi Nhà đầu tư, 01 bản lưu hồ sơ hỗ trợ lãi suất./.

NHÀ ĐẦU TƯ	PHÒNG NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT	PHÒNG TÀI CHÍNH - KẾ HOẠCH
------------	---------------------------	-------------------------------

II. MẪU VĂN BẢN HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ ĐẦU TƯ**Mẫu số 01/HTĐT****TÊN NHÀ ĐẦU TƯ...**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

..., ngày ... tháng ... năm ...

**ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ ĐẦU TƯ CHO DOANH NGHIỆP ĐẦU TƯ
VÀO NÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN**

Kính gửi:

Tên Nhà đầu tư:..... ;

Ngành nghề kinh doanh:..... ;

Trụ sở chính:..... ;

Điện thoại: Fax..... ;

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động/Giấy phép kinh doanh/Giấy chứng nhận đầu tư sốdo cấp ngàythángnăm

I. ĐĂNG KÝ THỰC HIỆN DỰ ÁN VỚI NỘI DUNG SAU:

1. Tên Dự án:

2. Lĩnh vực đầu tư:

3. Địa điểm thực hiện Dự án:

4. Mục tiêu và quy mô của dự án:

5. Tổng vốn đầu tư của Dự án:

6. Diện tích đất dự kiến sử dụng:

7. Số lao động Dự án sử dụng bình quân trong năm:

8. Tiến độ thực hiện Dự án dự kiến:

II. KIẾN NGHỊ HƯỞNG HỖ TRỢ ĐẦU TƯ (theo Nghị quyết số 08/2019/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2020 của HĐND tỉnh):

1. Căn cứ hỗ trợ

2. Sự phù hợp với các điều kiện hỗ trợ

3. Các khoản kiến nghị hưởng hỗ trợ đầu tư:

TT	Nội dung	Số tiền	Thời gian hỗ trợ (năm)	Ghi chú
1				
2				

III. CÁCH TÍNH CÁC KHOẢN KIẾN NGHỊ HƯỞNG HỖ TRỢ ĐẦU TƯ:
.....**IV. NHÀ ĐẦU TƯ CAM KẾT: Nội dung hồ sơ đầu tư**

1. Về tính chính xác của những thông tin trên đây.
2. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam.

Nơi nhận:

Lạng Sơn, ngày ... tháng ... năm
Chức danh người đại diện Nhà đầu tư
(Ký tên, đóng dấu)

Hồ sơ kèm theo:....

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

Lạng Sơn, ngày tháng ... năm

Kính gửi: Ủy ban nhân dân.....

Căn cứ bản đề nghị hỗ trợ số... ngày... tháng... năm..... của Nhà đầu tưđề nghị hỗ trợ đầu tư dự án (Tên dự án) và hồ sơ dự án kèm theo; UBND huyện, thành phố..... báo cáo kết quả thẩm tra ưu đãi, hỗ trợ đầu tư đối với Nhà đầu tư.... đầu tư vào Dự án...(Tên dự án) theo quy định tại Nghị quyết số 08/2020/NQ-HĐND như sau:

I. HỒ SƠ TÀI LIỆU THẨM TRA

1. Bản đề nghị số
2. Báo cáo dự án đầu tư
3. Biên bản kiểm tra thực tế (Đối với dự án thực hiện trước thời điểm đề nghị ưu đãi, hỗ trợ):
4. Ý kiến của các cơ quan liên quan:
5. Các tài liệu liên quan khác (nếu có).

II. THÔNG TIN DỰ ÁN

1. Tên dự án:
2. Lĩnh vực đầu tư:
3. Mục tiêu và quy mô dự án: (Mục tiêu sản phẩm đầu ra của dự án, số lượng lao động dự kiến, các hạng mục đầu tư và diện tích đất sử dụng)
4. Cấp quyết định chủ trương đầu tư dự án: (nếu có theo quy định của Luật đầu tư)
5. Cấp quyết định đầu tư dự án: (Tên doanh nghiệp)
6. Địa điểm thực hiện dự án:
7. Dự kiến tổng mức đầu tư dự án:(Trong đó làm rõ nguồn vốn đầu tư và mức vốn cụ thể theo từng nguồn vốn doanh nghiệp huy động)
8. Dự kiến mức vốn đề nghị Nhà nước hỗ trợ:
9. Thời gian thực hiện:
10. Các thông tin khác (nếu có):

III. TỔNG HỢP Ý KIẾN CỦA CÁC ĐƠN VỊ PHỐI HỢP

Tổng hợp ý kiến của các cơ quan phối hợp

IV. Ý KIẾN THẨM TRA CỦA CƠ QUAN CHỦ TRÌ

1. Hỗ trợ đầu tư:

- Điều kiện đáp ứng:

- Mức hỗ trợ:
- Thời gian hỗ trợ:
- 2. Ý kiến khác:

V. KẾT LUẬN

Trên đây là ý kiến thẩm tra ưu đãi, hỗ trợ đối với Nhà đầu tư..... thực hiện Dự án....., kính trình Ủy ban nhân dân.... xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- Cơ quan tham gia thẩm tra;
- Các cơ quan liên quan khác;
- Lưu:

CHỦ TỊCH

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

ỦY BAN NHÂN DÂN....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:
V/v cam kết hỗ trợ thực hiện
Nghị định..

Lạng Sơn, ngày ... tháng ... năm

Kính gửi:(Nhà đầu tư)

Căn cứ Nghị quyết số 08/2019/NQ-HĐND về chính sách đặc thù khuyến khích đầu tư, phát triển hợp tác, liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2020-2025;

Căn cứ đề nghị hỗ trợ tại văn bản số... ngày... tháng... năm... của Nhà đầu tư đề nghị ưu đãi, hỗ trợ đầu tư dự án.....;

Căn cứ báo cáo thẩm tra số .../BCTT-SKHĐT ngày.... tháng... năm của Sở Kế hoạch và Đầu tư báo cáo kết quả thẩm tra ưu đãi, hỗ trợ đầu tư đối với Nhà đầu tư.... đầu tư vào Dự án.....,

Ủy ban nhân dân cam kết hỗ trợ Nhà đầu tư, giấy chứng nhận đăng ký của Nhà đầu tư (và tương đương) cấp ngày... tháng... năm... thực hiện Dự án.....:

1. Mức hỗ trợ:
2. Thời gian hỗ trợ:
3. Yêu cầu Nhà đầu tư thực hiện đúng các nội dung dự án đã đăng ký./.

CHỦ TỊCH

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Nơi nhận:

- Sở ngành để thực hiện hỗ trợ cho doanh nghiệp: Sở KH&ĐT, Sở TC, Sở TN&MT, Sở NN&PTNT, Sở KH&CN, Kho bạc Nhà nước cấp tỉnh, UBND cấp huyện;
- Lưu:

HỘI ĐỒNG NGHIỆM THU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày tháng năm

BIÊN BẢN NGHIỆM THU**HOÀN THÀNH DỰ ÁN ĐẦU TƯ HOẶC HẠNG MỤC DỰ ÁN ĐẦU TƯ
VÀO NÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN**

1. Dự án (hạng mục dự án):
2. Địa điểm xây dựng:
3. Thành phần tham gia nghiệm thu:
 - a) Phía Hội đồng nghiệm thu (Ghi rõ họ tên, chức vụ, cơ quan và số văn bản cử tham gia làm đại diện)
 - b) Phía Nhà đầu tư: (Tên Nhà đầu tư)
Người đại diện theo pháp luật và người phụ trách đầu tư dự án, hạng mục dự án:
 - c) Nhà thầu thi công
Người đại diện theo pháp luật của nhà thầu và cán bộ phụ trách thi công dự án, hạng mục dự án:
4. Thời gian tiến hành nghiệm thu:

Bắt đầu: ngày tháng năm ...

Kết thúc: ngày tháng năm ...

Tại:.....
5. Đánh giá dự án, hạng mục dự án:
 - a) Tài liệu làm căn cứ để nghiệm thu:
 - b) Quy mô, chất lượng dự án, hạng mục dự án (đối chiếu định mức hỗ trợ, thiết kế, tiêu chuẩn xây dựng, chỉ dẫn kỹ thuật);
 - c) Các ý kiến khác nếu có
6. Kết luận:
 - Chấp nhận nghiệm thu hoàn thành dự án, hạng mục dự án đáp ứng yêu cầu và được hỗ trợ từ ngân sách nhà nước.
 - Yêu cầu sửa chữa, hoàn thiện bổ sung và các ý kiến khác (nếu có).

Các bên trực tiếp nghiệm thu chịu trách nhiệm trước pháp luật về quyết định nghiệm thu này./.

Nơi nhận:

- Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (để báo cáo);
- Các Sở: TC, KH&ĐT, NN&PTNT, KH&CN, TN&MT (để biết);
- Kho bạc Nhà nước cấp tỉnh;
- Doanh nghiệp nhận hỗ trợ;
- Nhà thầu thi công;
- Thành viên Hội đồng nghiệm thu;
- Các cơ quan liên quan khác;
- Lưu: ...

HỘI ĐỒNG NGHIỆM THU*(Thành viên Hội đồng ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu của UBND huyện)***NHÀ ĐẦU TƯ***(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)*

III. MẪU HỒ SƠ PHÁT TRIỂN THƯƠNG HIỆU**Mẫu số 01/SKHCN****TÊN NHÀ ĐẦU TƯ****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****(nếu có)****Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

V/v đề nghị hỗ trợ.....

....., ngày... tháng... năm....

Kính gửi: Sở Khoa học và Công nghệ.

Căn cứ Nghị quyết số 08/2019/NQ-HĐND ngày 10/12/2019 về chính sách đặc thù khuyến khích đầu tư, phát triển hợp tác, liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2020-2025;

Căn cứ Quyết định số /QĐ-UBND ngày... tháng... năm... của UBND tỉnh Lạng Sơn về ưu đãi, hỗ trợ đầu tư: Theo Nghị quyết số 08/2019/NQ-HĐND ngày 10/12/2019 của HĐND tỉnh.

Cá nhân/Tổ chức đề nghị thanh toán:

Địa chỉ (trụ sở chính):

Điện thoại liên hệ (nếu có):

Tài khoản số..... tại(nếu có).

Lý do thanh toán:

Nội dung ưu đãi, hỗ trợ:

+ Nội dung 1:

+ Nội dung 2:

+...

Số tiền đề nghị hỗ trợ theo quy định: (viết bằng chữ):

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu.

Nhà đầu tư*(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*

TÊN NHÀ ĐẦU TƯ
(nếu có)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

V/v đề nghị hỗ trợ.....

....., ngày... tháng... năm....

Kính gửi: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Căn cứ Nghị quyết số 08/2019/NQ-HĐND ngày 10/12/2019 về chính sách đặc thù khuyến khích đầu tư, phát triển hợp tác, liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2020-2025;

Căn cứ Quyết định số /QĐ-UBND ngày... tháng... năm... của UBND tỉnh Lạng Sơn về ưu đãi, hỗ trợ đầu tư: Theo Nghị quyết số 08/2019/NQ-HĐND ngày 10/12/2019 của HĐND tỉnh.

Cá nhân/Tổ chức đề nghị thanh toán:

Địa chỉ (trụ sở chính):

Điện thoại liên hệ (nếu có):

Tài khoản số..... tại(nếu có).

Lý do thanh toán:

Nội dung ưu đãi, hỗ trợ:

+ Nội dung 1:

+ Nội dung 2:

+...

Số tiền đề nghị hỗ trợ theo quy định: (viết bằng chữ):

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu.

Nhà đầu tư

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

IV. MẪU HỒ SƠ MỞ RỘNG THỊ TRƯỜNG

Mẫu số 01/SCT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHƯƠNG ÁN MỞ RỘNG THỊ TRƯỜNG

I. GIỚI THIỆU VỀ ĐƠN VỊ

1. Tên công ty
2. Địa chỉ trụ sở chính
3. Người đại diện theo pháp luật
4. Số điện thoại
5. Email
6. Website
7. Mã số thuế
8. Ngành nghề kinh doanh
9. Sơ đồ cơ cấu tổ chức

10. Cơ cấu lao động

- Tổng số lao động:
- Cơ cấu theo giới tính: + Nam: + Nữ:
- Cơ cấu theo trình độ
- + Lao động phổ thông:
- + Trung cấp, Cao đẳng:
- + Đại học và sau đại học:

II. THỰC TRẠNG TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA ĐƠN VỊ

1. Sản phẩm

T	Tên sản phẩm	Quy cách đóng gói	Sản lượng cung ứng	Giá thành
1				
.				
..				

2. Thị trường tiêu thụ sản phẩm

- Trong tỉnh:
- Ngoài tỉnh:

ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ
(Ký tên và đóng dấu)

(Tên đơn vị)

DANH MỤC SẢN PHẨM
Tham gia hỗ trợ mở rộng thị trường

TT	Tên sản phẩm	Quy cách đóng gói	Số lượng	Hồ sơ kèm theo
1				
.				
..				

*** Cách trình bày**

- Tên sản phẩm là tên ghi trên hồ sơ;
- Quy cách đóng gói: hộp, chai, ...
- Số lượng: ... ? ... hộp, ... ? chai ..., ...
- Hồ sơ kèm theo, bao gồm:
 - + Giấy đăng ký kinh doanh;
 - + Giấy chứng nhận an toàn thực phẩm hoặc tương đương;
 - + Giấy chứng nhận sử dụng mã vạch;
 - + Giấy chứng nhận VietGap, Giấy chứng nhận GlobalGap, ... (nếu có);
 - + Giấy chứng nhận sử dụng tem truy xuất nguồn gốc (nếu có);
 - + Giấy phép sản xuất, kinh doanh; Giấy chứng nhận tem thuế (đối với sản phẩm rượu)/.

NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc****BAN TỔ CHỨC****HỘI CHỢ (Tên hội chợ)**

1. Xác nhận..... (Tên đơn vị) tham gia Hội chợ
..... (Tên hội chợ), cụ thể như sau:

- Thời gian:

- Địa điểm:

- Số lượng gian hàng:

- Sản phẩm:

2. Trong quá trình tham gia hội chợ, đơn vị chấp hành nghiêm các quy định của Ban Tổ chức hội chợ./.

TM. BAN TỔ CHỨC HỘI CHỢ*(Ký tên, đóng dấu)*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****ĐƠN ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ**

Kính gửi:

1. Tên doanh nghiệp (Viết chữ in hoa):.....

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số, cấp ngày

Nơi cấp

Điện thoại:; Fax:; Email:

Số tài khoản:, tại Ngân hàng:

2. Nội dung đề nghị hỗ trợ:

(Phần giải trình xin hỗ trợ: ghi rõ nội dung xin hỗ trợ, lý do xin hỗ trợ,...)

.....

3. Số tiền đề nghị hỗ trợ theo quy định:(viết bằng chữ):.....

Căn cứ Nghị Quyết số 08/2019/NĐ-HĐND ngày 10/12/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh về chính sách đặc thù khuyến khích đầu tư và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2020-2025;

(Tên nhà đầu tư) xin cam kết doanh nghiệp hoạt động đúng theo quy định của pháp luật hiện hành, chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực của hồ sơ đề nghị hỗ trợ.

....., ngày tháng năm 20...

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT*(Ký và ghi rõ họ tên)*

V. MẪU HỒ SƠ HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN HỢP TÁC, LIÊN KẾT TRONG SẢN XUẤT VÀ TIÊU THỤ SẢN PHẨM NÔNG NGHIỆP

Mẫu số 02/SNN

TÊN ĐỐI TƯỢNG
THAM GIA LIÊN KẾT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/

....., ngày.....tháng.....năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

V/v hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp

Kính gửi: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Lạng Sơn (hoặc UBND huyện, thành phố.....)

Chủ đầu tư dự án liên kết (hoặc chủ trì liên kết):.....

Người đại diện theo pháp luật:

Chức vụ:

Giấy đăng ký kinh doanh số..... ngày cấp.....

Địa chỉ:.....

Điện thoại: Fax:..... Email:.....

Căn cứ chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết gắn sản xuất với tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, (tên chủ đầu tư dự án liên kết hoặc chủ trì liên kết) đề nghị(tên cơ quan được giao phê duyệt hồ trợ liên kết):

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Loại sản phẩm nông nghiệp liên kết:.....
2. Địa bàn thực hiện:
3. Quy mô liên kết:
4. Tiến độ thực hiện dự kiến:

II. ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ CỦA NHÀ NƯỚC

1. Hỗ trợ chi phí tư vấn xây dựng liên kết:
2. Hỗ trợ hạ tầng phục vụ liên kết:
3. Hỗ trợ xây dựng mô hình khuyến nông:
4. Hỗ trợ đào tạo, tập huấn:

5. Hỗ trợ giống, vật tư, bao bì, nhãn mác sản phẩm:
6. Hỗ trợ chuyển giao, ứng dụng khoa học kỹ thuật mới:
7. Tổng vốn, kinh phí đề nghị hỗ trợ
- Chi tiết các năm đề nghị hỗ trợ (nếu hỗ trợ trong nhiều năm):

III. CAM KẾT: (tên chủ đầu tư dự án liên kết) cam kết:

1. Tính chính xác của những thông tin trên đây
2. Thực hiện đầy đủ các thủ tục và thực hiện đúng nội dung đã đăng ký theo quy định khi có quyết định hỗ trợ của cơ quan có thẩm quyền.
3. Đảm bảo đúng số lượng và tỷ lệ kinh phí đối ứng quy định tối thiểu từ các bên tham gia liên kết theo nội dung đã đăng ký và dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.
4. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam.

IV. TÀI LIỆU KÈM THEO (liệt kê danh mục các tài liệu có liên quan gửi kèm):

Nơi nhận:
 - Như kính gửi;
 - Lưu:

**CHỦ ĐẦU TƯ DỰ ÁN LIÊN KẾT
 (HOẶC CHỦ TRÌ LIÊN KẾT)**
 (Ký, ghi họ tên, đóng dấu)

TÊN CHỦ ĐẦU TƯ
DỰ ÁN LIÊN KẾT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/.....

....., ngày.....tháng.....năm.....

DỰ ÁN LIÊN KẾT
Phần I
GIỚI THIỆU VỀ DỰ ÁN LIÊN KẾT

I. TÊN DỰ ÁN LIÊN KẾT:

II. CÁC ĐỐI TƯỢNG THAM GIA DỰ ÁN LIÊN KẾT

1. Chủ dự án liên kết:

- Người đại diện theo pháp luật:

- Chức vụ:

- Giấy đăng ký kinh doanh số , ngày cấp

- Địa chỉ:

- Điện thoại: Fax: Email:

2. Các bên tham gia liên kết (đối với trường hợp doanh nghiệp, hợp tác xã tham gia liên kết)

a) Tên đơn vị tham gia liên kết:

- Người đại diện theo pháp luật:

- Chức vụ:

- Giấy đăng ký kinh doanh số , ngày cấp:

- Địa chỉ:

- Điện thoại: Fax: E-mail

b) Tên đơn vị tham gia liên kết:

- Người đại diện theo pháp luật:

- Chức vụ:

- Giấy đăng ký kinh doanh số , ngày cấp:

- Địa chỉ:

- Điện thoại: Fax: E-mail

3. Số lượng nông dân tham gia liên kết (đối với trường hợp có nông dân tham gia liên kết)

III. ĐỊA ĐIỂM THỰC HIỆN DỰ ÁN LIÊN KẾT:

IV. CĂN CỨ PHÁP LÝ XÂY DỰNG DỰ ÁN LIÊN KẾT (liệt kê danh mục các văn bản có liên quan làm căn cứ xây dựng dự án liên kết)

Phần II**NỘI DUNG DỰ ÁN LIÊN KẾT****I. MỤC TIÊU CỦA DỰ ÁN LIÊN KẾT:****II. TỔNG QUAN VỀ LIÊN KẾT SẢN XUẤT VÀ TIÊU THỤ SẢN PHẨM NÔNG NGHIỆP TRƯỚC KHI THỰC HIỆN DỰ ÁN VÀ SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG DỰ ÁN LIÊN KẾT**

1. Điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội trên địa bàn (điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội trên địa bàn có liên quan đến việc thực hiện dự án liên kết):...

2. Tổng quan về liên kết và sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trước khi thực hiện dự án liên kết (Kết quả thực hiện liên kết trong 03 năm gần nhất trong trường hợp đã có thời gian liên kết lâu dài; trường hợp liên kết mới xây dựng, báo cáo khái quát tình hình sản xuất và tiêu thụ nông sản trong 3 năm gần nhất).

3. Sự cần thiết xây dựng dự án liên kết.

III. NỘI DUNG CỦA DỰ ÁN LIÊN KẾT

1. Sản phẩm nông nghiệp thực hiện liên kết:

2. Quy mô liên kết:

3. Quy trình kỹ thuật áp dụng khi liên kết:

4. Hình thức liên kết:

5. Quyền hạn, trách nhiệm của các bên tham gia liên kết:

6. Thị trường sản phẩm của dự án liên kết; đánh giá tiềm năng thị trường và khả năng cạnh tranh của sản phẩm dự án liên kết.

7. Các giải pháp thực hiện để đưa dự án vào hoạt động (thuê đất, san lấp mặt bằng, đầu tư vào các trang thiết bị...)

IV. CÁC NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ

1. Chi tiết các nội dung đề nghị được hỗ trợ

- Hỗ trợ chi phí tư vấn xây dựng liên kết (nội dung, thời gian tư vấn, dự toán chi phí,...)

- Hỗ trợ hạ tầng phục vụ liên kết (số lượng, công trình, thời gian, đối tượng, dự toán chi phí, bản vẽ thiết kế, chi tiết mô tả công trình và các giấy tờ liên quan...) - Hỗ trợ xây dựng mô hình khuyến nông (chi tiết mô hình, dự toán kinh phí và các giấy tờ, tài liệu liên quan theo quy định của Chương trình khuyến nông,...)

- Hỗ trợ đào tạo, tập huấn (số lượng, nội dung, thời gian, đối tượng, chương trình đào tạo bồi dưỡng, dự toán chi phí,

- Hỗ trợ giống, vật tư, bao bì, nhãn mác sản phẩm (số lượng, chủng loại và thông số kỹ thuật, thời gian hỗ trợ, dự toán chi phí,

- Hỗ trợ chuyển giao, ứng dụng khoa học kỹ thuật mới, áp dụng quy trình kỹ thuật và quản lý chất lượng đồng bộ theo chuỗi (chi tiết khoa học kỹ thuật mới, quy trình kỹ thuật và quản lý chất lượng, dự toán kinh phí và các giấy tờ, tài liệu liên quan...)

2. Đối ứng của đối tượng tham gia liên kết (chi tiết đối với từng nội dung hỗ trợ, chi tiết đối với từng năm, nếu có).

3. Thời gian và kinh phí hỗ trợ

a) Thời gian hỗ trợ (chi tiết thời gian cho từng nội dung chính sách, chi tiết các năm, nếu có)

b) Kinh phí hỗ trợ (chi tiết kinh phí hỗ trợ cho từng nội dung chính sách, chi tiết các năm)

Tổng số tiền xin hỗ trợ

4. Các hồ sơ gửi kèm (chủ đầu tư dự án liên kết căn cứ các quy định hiện hành của các Chương trình, nguồn vốn hỗ trợ và các quy định hiện hành của Nhà nước, bổ sung dự toán, các tài liệu liên quan để phục vụ quá trình phê duyệt hỗ trợ dự án liên kết):

V. DỰ KIẾN HIỆU QUẢ VÀ TÁC ĐỘNG CỦA DỰ ÁN LIÊN KẾT

1. Hiệu quả của dự án liên kết (kinh tế, môi trường, xã hội):

2. Tác động của dự án liên kết (các rủi ro về thị trường, tổ chức thực hiện, các rủi ro khác và giải pháp khắc phục):

Phần III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ KIẾN NGHỊ

I. KẾ HOẠCH TỔ CHỨC THỰC HIỆN DỰ ÁN

(Chủ đầu tư xây dựng kế hoạch cụ thể để thực hiện dự án liên kết. Trong đó phải có kế hoạch triển khai và thực hiện các nội dung ưu đãi, hỗ trợ, kế hoạch tài chính, kế hoạch giám sát và đánh giá thực hiện dự án liên kết)

II. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

III. KIẾN NGHỊ

Ngoài các nội dung nêu trên, chủ đầu tư dự án liên kết có thể bổ sung các nội dung khác nhằm làm rõ hơn nội dung dự án liên kết và phù hợp với điều kiện thực tế.

CHỦ ĐẦU TƯ DỰ ÁN LIÊN KẾT
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

TÊN CHỦ ĐẦU TƯ
DỰ ÁN LIÊN KẾT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày tháng năm

KẾ HOẠCH ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ LIÊN KẾT

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ QUÁ TRÌNH SẢN XUẤT VÀ TIÊU THỤ SẢN PHẨM NÔNG NGHIỆP

1. Chủ trì liên kết:

- Người đại diện theo pháp luật:

- Chức vụ:

- Giấy đăng ký kinh doanh số, ngày cấp

- Địa chỉ:

- Điện thoại: Fax: Email:

2. Các bên tham gia liên kết (đối với trường hợp doanh nghiệp, hợp tác xã tham gia liên kết)

a) Tên đơn vị tham gia liên kết:

- Người đại diện theo pháp luật:

- Chức vụ:

- Giấy đăng ký kinh doanh số..... ngày cấp:

- Địa chỉ:

- Điện thoại:, Fax: E-mail

b) Tên đơn vị tham gia liên kết:

- Người đại diện theo pháp luật:

- Chức vụ:

- Giấy đăng ký kinh doanh số....., ngày cấp: ..

- Địa chỉ:

- Điện thoại: Fax: E-mail

3. Số lượng nông dân tham gia liên kết (đối với trường hợp có nông dân tham gia liên kết)

4. Tổng quan về liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp và sự cần thiết xây dựng liên kết

5. Địa điểm thực hiện liên kết:

II. NỘI DUNG CỦA LIÊN KẾT

- Sản phẩm nông nghiệp thực hiện liên kết:

- Quy mô liên kết:

- Quy trình kỹ thuật áp dụng khi liên kết:

- Hình thức liên kết:

- Quyền hạn, trách nhiệm của các bên tham gia liên kết:

- Thị trường và khả năng cạnh tranh của sản phẩm.

III. CÁC NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ

1. Chi tiết các nội dung, thời gian và kinh phí đề nghị được hỗ trợ, tổng số tiền xin hỗ trợ.

- Hỗ trợ chi phí tư vấn xây dựng liên kết.

- Hỗ trợ đào tạo, tập huấn.

- Hỗ trợ giống, vật tư, bao bì, nhãn mác sản phẩm.

- Hỗ trợ chuyển giao, ứng dụng khoa học kỹ thuật mới, áp dụng quy trình kỹ thuật và quản lý chất lượng đồng bộ theo chuỗi.

2. Đối ứng của đối tượng tham gia liên kết (chi tiết đối với từng nội dung hỗ trợ, chi tiết đối với từng năm, nếu có).

IV. DỰ KIẾN HIỆU QUẢ VÀ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ

V. KẾ HOẠCH TIẾN ĐỘ VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

VI. KIẾN NGHỊ

CHỦ TRÌ LIÊN KẾT

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 20.....

BẢN THỎA THUẬN
VỀ VIỆC CỬ ĐƠN VỊ LÀM CHỦ ĐẦU TƯ DỰ ÁN LIÊN KẾT
(HOẶC CHỦ TRÌ LIÊN KẾT)

Ngày tháng năm , tại

chúng tôi là các bên tham gia liên kết, bao gồm:

1. Tên đơn vị tham gia liên kết:
- Người đại diện theo pháp luật:
- Chức vụ:
- Giấy đăng ký kinh doanh số , ngày cấp:
- Địa chỉ:
- Điện thoại: , Fax: E-mail
2. Tên đơn vị tham gia liên kết:
- Người đại diện theo pháp luật:
- Chức vụ:
- Giấy đăng ký kinh doanh số , ngày cấp:
- Địa chỉ:
- Điện thoại:..... , Fax: E-mail

Các bên tham gia liên kết thống nhất cử đơn vị làm chủ đầu tư dự án liên kết (hoặc chủ trì liên kết) như sau:

I. ĐƠN VỊ LÀM CHỦ ĐẦU TƯ DỰ ÁN LIÊN KẾT (HOẶC CHỦ TRÌ LIÊN KẾT):

II. THÔNG TIN CHUNG VỀ LIÊN KẾT

1. Địa bàn liên kết:
2. Sản phẩm nông nghiệp thực hiện liên kết:
3. Quy mô liên kết:
4. Quy trình kỹ thuật áp dụng khi liên kết:
5. Quyền hạn, trách nhiệm của các bên tham gia liên kết:

III. TỔNG ĐẦU TƯ CỦA LIÊN KẾT:

TỔNG SỐ VỐN ĐẦU TƯ:..... đồng, trong đó:

1. Số vốn đề nghị hỗ trợ:..... đồng
2. Đối ứng của các bên tham gia liên kết: đồng
 - (tên đơn vị tham gia liên kết): đồng
 - (tên đơn vị tham gia liên kết): đồng
3. Các nguồn vốn khác:..... đồng

IV. THỰC HIỆN LIÊN KẾT

1. Trách nhiệm của các bên tham gia liên kết (ghi rõ trách nhiệm của mỗi bên tham gia liên kết)
2. Các quy định về sửa đổi các nội dung được thỏa thuận

Các bên tham gia liên kết ký trong Biên bản thỏa thuận này thống nhất với các nội dung đã thỏa thuận. Biên bản thỏa thuận có hiệu lực kể từ ngày ký và được thực hiện trong suốt thời gian thực hiện Dự án liên kết. Các bên tham gia liên kết có trách nhiệm thực hiện đầy đủ cam kết của mỗi bên trong quá trình thực hiện, các bên có thể sửa đổi các nội dung được thỏa thuận nhưng không được làm thay đổi nội dung của Dự án liên kết đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Bản thỏa thuận này được lập thànhbản có giá trị như nhau. Các bên tham gia liên kết giữbản, chủ đầu tư dự án liên kết giữbản./.

Chữ ký của các bên tham gia dự án liên kết

ĐƠN VỊ THAM GIA LIÊN KẾT
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

ĐƠN VỊ THAM GIA LIÊN KẾT
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 20.....

BẢN CAM KẾT

**Bảo đảm các quy định của pháp luật về tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm,
an toàn thực phẩm, an toàn dịch bệnh và bảo vệ môi trường**

Kính gửi:

.....
(tên cơ quan được giao phê duyệt hồ trợ dự án liên kết)

Chủ đầu tư dự án liên kết (hoặc chủ trì liên kết):,

Người đại diện theo pháp luật:

Chức vụ:

Địa chỉ:

Điện thoại:, Fax: E-mail:

Mã số thuế

Sản phẩm liên kết:

Loại hình liên kết:

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, an toàn thực phẩm, an toàn dịch bệnh và bảo vệ môi trường trong các lĩnh vực:

Trồng trọt ; Lâm nghiệp ; Chăn nuôi ; Nuôi trồng thủy sản ; Khai thác, sản xuất muối ; Thu hái, đánh bắt, khai thác nông lâm thủy sản ;

(Đánh dấu X vào ô ghi tên lĩnh vực sản xuất và cam kết thực hiện).

Nếu có vi phạm, chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

**CHỦ ĐẦU TƯ DỰ ÁN LIÊN KẾT
(HOẶC CHỦ TRÌ LIÊN KẾT)**

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày tháng năm

BIÊN BẢN NGHIỆM THU**DỰ ÁN LIÊN KẾT HOẶC KẾ HOẠCH ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ LIÊN KẾT TRÊN ĐỊA BÀN**

1. Tên Dự án liên kết hoặc kế hoạch liên kết (hạng mục/nội dung hỗ trợ):

.....

2. Địa điểm xây dựng liên kết:

3. Thành phần tham gia nghiệm thu gồm:

a) Đại diện lãnh đạo (Các Sở, ngành, UBND cấp huyện, các phòng chuyên môn cấp huyện nghiệm thu - Ghi rõ họ tên, chức vụ, cơ quan và cử tham gia làm đại diện ...)

b) Chủ đầu tư dự án liên kết (Chủ trì liên kết): Tên doanh nghiệp hoặc HTX

Người đại diện theo pháp luật và người phụ trách đầu tư dự án, hạng mục/nội dung đầu tư được hỗ trợ:

c) Tên Nhà thầu thi công các hạng mục/nội dung đầu tư theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt

Người đại diện theo pháp luật của nhà thầu và cán bộ phụ trách thi công dự án, hạng mục dự án:

4. Thời gian tiến hành nghiệm thu:

- Bắt đầu: ngày tháng năm

- Kết thúc: ... ngày tháng năm

Tại:

5. Đánh giá theo nội dung của dự án/KH được cấp có thẩm quyền phê duyệt (hạng mục/nội dung hỗ trợ):

a) Các tài liệu làm căn cứ để nghiệm thu gồm dự án liên kết hoặc kế hoạch đề nghị hỗ trợ liên kết được phê duyệt để hỗ trợ: Chi phí tư vấn xây dựng liên kết; đầu tư hạ tầng phục vụ liên kết; xây dựng mô hình khuyến nông; đào tạo, tập huấn; mua giống, vật tư, bao bì, nhãn mác sản phẩm; chuyển giao, ứng dụng khoa học kỹ thuật mới...(nghiệm thu theo từng vụ/từng nội dung hỗ trợ theo các hợp đồng liên kết đã ký)

.....

b) Quy mô dự án liên kết hoặc kế hoạch đề nghị hỗ trợ (ghi cụ thể theo từng năm/từng vụ sản xuất hoặc chu kỳ khai thác sản phẩm)

.....

c) Các bên tham gia liên kết (về thực hiện đúng cam kết thỏa thuận trong hợp đồng liên kết), cụ thể:

.....

.....

d) Các ý kiến khác (nếu có)

.....

6. Kết luận của đại diện đơn vị chủ trì nghiệm thu:

- Nghiệm thu dự án hoặc kế hoạch đề nghị hỗ trợ liên kết theo từng hạng mục/nội dung hỗ trợ liên kết đạt yêu cầu và được hỗ trợ từ ngân sách nhà nước (nêu cụ thể nội dung, kinh phí được hỗ trợ cho từng đối tượng tham gia liên kết...)

.....

- Yêu cầu sửa chữa, bổ sung hoàn thiện (ghi cụ thể các nội dung cần sửa chữa, bổ sung để hoàn chỉnh, thời gian, địa điểm ... và các ý kiến khác nếu có).

.....

Thống nhất các nội dung được nghiệm thu (nêu cụ thể nội dung được nghiệm thu theo từng hợp đồng liên kết) và số tiền chi hỗ trợ cho các đối tượng theo quy định (kèm theo danh sách nhận tiền hỗ trợ và các chứng từ, hóa đơn, hợp đồng...có liên quan thực hiện dự án liên kết), các bên tham gia liên kết chịu trách nhiệm về cung cấp đầy đủ, trung thực những thông tin liên quan trong biên bản nghiệm thu này./.

ĐẠI DIỆN
 (CƠ QUAN CHỦ TRÌ NGHIỆM THU)

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

CHỦ ĐẦU TƯ DỰ ÁN
 (HOẶC CHỦ TRÌ LIÊN KẾT)
 (Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

ĐẠI DIỆN
 (CÁC CƠ QUAN CHUYÊN MÔN THAM
 GIA NGHIỆM THU)

ĐẠI DIỆN
CÁC BÊN THAM GIA LIÊN KẾT
 (HOẶC CÁC TỔ CHỨC, CÁ NHÂN)

ĐẠI DIỆN
 (UBND CẤP XÃ NƠI THỰC HIỆN DỰ
 ÁN)

HỢP TÁC XÃ**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

....., ngày tháng năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ THÀNH LẬP HỢP TÁC XÃ

Kính gửi:

Tôi là: Nam/nữ

Sinh ngày:/...../..... Dân tộc:.....

Chứng minh nhân dân số:..... Cấp ngày:/...../.....

Nơi cấp

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

Điện thoại:..... Di động:.....

Fax (nếu có):..... Email (nếu có):.....

Là đại diện của Hợp tác xã.....

đề nghị được hỗ trợ chi phí tuyên truyền, vận động thành lập hợp tác xã.

Tổng số tiền:..... đồng.

(bằng chữ:.....).

Thay mặt toàn thể thành viên Hợp tác xã

cam kết nhu cầu hỗ trợ trên đây là hoàn toàn cần thiết cho tổ chức và hoạt động của hợp tác xã.

**Xác nhận của UBND xã,
phường, thị trấn****TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH***(Ký, ghi rõ họ tên)*

HỢP TÁC XÃ**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

....., ngày tháng năm

**BẢNG KÊ THANH TOÁN CHI PHÍ TUYÊN TRUYỀN, VẬN ĐỘNG
THÀNH LẬP HỢP TÁC XÃ.....**

ST T	Nội dung	Số tiền (đồng)	Ghi chú
A	Các lớp tuyên truyền		
1	Thanh toán tiền nước uống cho đại biểu.		
2	Thanh toán tiền giảng viên tuyên truyền - vận động.		
3	Thanh toán tiền đi lại, ăn, ở cho giảng viên (nếu có).		
4	Thanh toán tiền thuê hội trường.		
5	Thanh toán tiền photo tài liệu.		
B	Hội nghị thành lập		
1	Thanh toán tiền nước uống cho đại biểu.		
2	Thanh toán tiền thuê hội trường.		
3	Thanh toán tiền mua văn phòng phẩm.		
Tổng cộng			

Tổng số tiền bằng chữ:.....**KẾ TOÁN**

(ký, ghi rõ họ tên)

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**CHỦ TỊCH**

(ký, ghi rõ họ tên)

TÊN HỢP TÁC XÃ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày tháng năm

GIẤY ĐỀ NGHỊ**Về việc hỗ trợ thí điểm mô hình đưa cán bộ trẻ tốt nghiệp đại học,
cao đẳng về làm việc có thời hạn ở hợp tác xã****Kính gửi:**

.....

Tên hợp tác xã (ghi bằng chữ in hoa):

Địa chỉ trụ sở chính:

Lĩnh vực hoạt động chính:.....

**Đề nghị được hỗ trợ thí điểm cán bộ trẻ tốt nghiệp đại học, cao
đẳng về làm việc có thời hạn ở hợp tác xã với thông tin chi tiết giải trình
như sau:**

1. Số lượng cán bộ, lao động của hợp tác xã tại thời điểm đề nghị hỗ trợ:
2. Số lượng cán bộ đề nghị hỗ trợ thí điểm theo mô hình đưa cán bộ trẻ tốt nghiệp đại học, cao đẳng về làm việc có thời hạn ở hợp tác xã:
3. Lý do, nhu cầu đề nghị hỗ trợ thí điểm cán bộ:
4. Vị trí chuyên môn của cán bộ đề nghị tuyển dụng:
5. Nhiệm vụ công việc của cán bộ đề nghị tuyển dụng cần thực hiện
6. Thông tin tóm tắt về cán bộ dự kiến tuyển dụng (nếu đã có): tên tuổi trình độ,...

Hợp tác xã cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của nội dung Giấy đề nghị này./.

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA**HỢP TÁC XÃ**

(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)

Các giấy tờ gửi kèm:

-
-
-

TÊN HỢP TÁC XÃ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG LAO ĐỘNG**I. TÌNH HÌNH CHUNG CỦA HỢP TÁC XÃ**

1. Thông tin chung: tên, địa chỉ, điện thoại, email
2. Ngành nghề và lĩnh vực hoạt động:
3. Tổ chức bộ máy hoạt động và sử dụng lao động
 - 3.1 Sơ đồ tổ chức hiện tại của HTX
 - 3.2 Sử dụng lao động:
 - Tổng số cán bộ quản lý, trong đó phân theo trình độ chuyên môn
 - Tổng số lao động, trong đó phân theo trình độ chuyên môn
4. Thuận lợi và khó khăn của HTX, nhu cầu hỗ trợ cán bộ trẻ tốt nghiệp đại học, cao đẳng về làm việc có thời hạn ở HTX

II. PHƯƠNG ÁN LAO ĐỘNG SAU KHI THÍ ĐIỂM

1. Kế hoạch hoạt động kinh doanh
2. Kế hoạch tổ chức lao động
 - Sắp xếp lại cán bộ, người lao động
 - Bố trí lao động
3. Vị trí chuyên môn của cán bộ đề nghị tuyển dụng, vị trí trong sơ đồ tổ chức của HTX
4. Nhiệm vụ công việc của cán bộ đề nghị tuyển dụng cần thực hiện:
5. Phương án trả lương
 - a) Tổng kinh phí dự kiến, tính trong 1 năm gồm:
 - Chi phí hỗ trợ tiền lương do Ngân sách nhà nước hỗ trợ
 - Chi phí tiền lương HTX trả thêm (nếu có)
 - Các khoản phải trích nộp theo quy định của pháp luật hiện hành
 - b) Nguồn kinh phí bảo đảm
 - Hỗ trợ của ngân sách nhà nước
 - Chi trả của HTX
 - Đóng góp của người lao động
6. Phương pháp đánh giá kết quả, năng lực, khối lượng làm việc của cán bộ thí điểm hỗ trợ./.

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA HỢP TÁC XÃ

(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)

TÊN HỢP TÁC XÃ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

PHƯƠNG ÁN**SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA HỢP TÁC XÃ****PHẦN I. TỔNG QUAN VỀ TÌNH HÌNH THỊ TRƯỜNG VÀ KHẢ NĂNG THAM GIA CỦA HỢP TÁC XÃ**

- I. Tổng quan về tình hình thị trường
- II. Đánh giá khả năng tham gia thị trường của hợp tác xã
- III. Căn cứ pháp lý cho việc thành lập và hoạt động của hợp tác xã

PHẦN II. GIỚI THIỆU VỀ HỢP TÁC XÃ**I. Giới thiệu tổng thể**

1. Tên hợp tác xã
2. Địa chỉ trụ sở chính
3. Vốn điều lệ
4. Số lượng thành viên
5. Ngành, nghề sản xuất, kinh doanh

II. Tổ chức: bộ máy và giới thiệu chức năng nhiệm vụ tổ chức bộ máy của hợp tác xã

PHẦN III. PHƯƠNG ÁN HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT, KINH DOANH

I. Phân tích điểm mạnh, yếu, cơ hội phát triển và thách thức của hợp tác xã

II. Phân tích cạnh tranh**III. Mục tiêu và chiến lược phát triển của hợp tác xã****IV. Các hoạt động sản xuất, kinh doanh của hợp tác xã**

1. Nhu cầu về sản phẩm, dịch vụ hoặc việc làm của thành viên
2. Dự kiến các chỉ tiêu sản xuất, kinh doanh của hợp tác xã căn cứ vào hợp đồng dịch vụ với thành viên hoặc hợp đồng lao động đối với thành viên (đối với trường hợp hợp tác xã tạo việc làm)

3. Xác định các hoạt động sản xuất, kinh doanh nhằm đáp ứng hợp đồng dịch vụ với thành viên hoặc hợp đồng lao động đối với thành viên (đối với trường hợp hợp tác xã tạo việc làm)

V. Kế hoạch Marketing

VI. Phương án đầu tư cơ sở vật chất, bố trí nhân lực và các điều kiện khác phục vụ sản xuất, kinh doanh

PHẦN IV. PHƯƠNG ÁN TÀI CHÍNH

I. Phương án huy động và sử dụng vốn

II. Phương án về doanh thu, chi phí, lợi nhuận trong 03 năm đầu

III. Phương án tài chính khác

PHẦN V. KẾT LUẬN

Các giấy tờ gửi kèm:

-
-
-

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA
HỢP TÁC XÃ
(Ký và ghi họ tên)

VI. MẪU HỒ SƠ THANH, QUYẾT TOÁN CÁC KHOẢN HỖ TRỢ

Mẫu số 01/STC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN

Thẩm định kinh phí hỗ trợ lãi suất tín dụng theo Nghị quyết số 08/2019/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh quý... năm.....

Hôm nay, vào hồi ngày tháng năm tại Huyện (Thành phố)..... chúng tôi gồm có:

A- THÀNH PHẦN

Đại diện Phòng Tài chính- Kế hoạch

1.....

2.....

Đại diện Phòng Nông nghiệp và phát triển nông thôn

1.....

2.....

Đại diện Ngân hàng.....:

1.....

2.....

B- NỘI DUNG

Tiến hành thẩm định hồ sơ hỗ trợ lãi suất tín dụng theo theo Nghị quyết số 08/2019/NQ-HĐND trên địa bàn huyện..... nội dung cụ thể như sau:

1. Căn cứ thẩm tra: Nghị quyết số 08/2019, ngày 10/12/2019 của HĐND tỉnh, Hướng dẫn liên ngành số 609/HDLN-SKHĐT-STC-SCT-SNN&PTNT-SKHCCN-NHNN CNT, ngày 27/4/2020

2. Phạm vi thẩm tra: dựa trên hồ sơ xin hỗ trợ lãi suất tín dụng do ngân hàng cung cấp, kiểm tra thực tế tại các hộ vay vốn.

Sau khi kiểm tra hồ sơ, đối chiếu với các văn bản hiện hành, các bên thống nhất số liệu như sau:

Số TT	Tên Dự án	Số hộ vay	Số tiền nợ ngân hàng	Số tiền hỗ trợ lãi suất tín dụng

	Tổng cộng			
--	-----------	--	--	--

Tổng số tiền xin hỗ trợ lãi suất tín dụng là:..... đồng (Bằng chữ:.....).

Kết luận: Số liệu thẩm tra ở trên là cơ sở để tham mưu cho UBND huyện, thành phố đề nghị sở Tài chính xem xét báo cáo UBND tỉnh bổ sung kinh phí hỗ trợ lãi suất cho các nhà đầu tư.

Biên bản kết thúc vào hồi giờ phút cùng ngày, đã được thống nhất giữa các bên, được lập thành 04 bản, mỗi bên giữ 01 bản, 01 bản gửi UBND tỉnh (qua sở Tài chính) để báo cáo./.

ĐẠI DIỆN NGÂN HÀNG	ĐẠI DIỆN PHÒNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN	ĐẠI DIỆN PHÒNG TÀI CHÍNH - KẾ HOẠCH
-------------------------------	---	--

Mẫu 02/STC

TÊN NHÀ ĐẦU TƯ

.....

V/v đề nghị cấp kinh phí...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

, ngày.... tháng năm

Kính gửi:

Căn cứ Nghị quyết số 08/2019/NQ-HĐND ngày 10/12/2019 về chính sách đặc thù khuyến khích đầu tư, phát triển hợp tác, liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2020-2025;

Căn cứ Quyết định số .../QĐ-UBND ngày... tháng ... năm ... của UBND tỉnh Lạng Sơn về việc ưu đãi, hỗ trợ đầu tư dự án: ... theo Nghị quyết số Nghị quyết số 08/2019/NQ-HĐND ngày 10/12/2019 của HĐND tỉnh.

Cá nhân/Tổ chức đề nghị thanh toán:.....

Địa chỉ (trụ sở chính):.....

Điện thoại liên hệ (nếu có):.....

Tài khoản số tại.....(nếu có).

Lý do thanh toán:

Nội dung ưu đãi, hỗ trợ:

+ Hạng mục:

+

Số tiền đề nghị hỗ trợ theo quy định: (viết bằng chữ):.....

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu;

HỘI ĐỒNG NGHIỆM THU

CHỨC DANH NGƯỜI ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP

(Ký tên và đóng dấu)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

..., ngày tháng năm

BIÊN BẢN NGHIỆM THU
HOÀN THÀNH DỰ ÁN ĐẦU TƯ HOẶC HẠNG MỤC DỰ ÁN ĐẦU TƯ VÀO
NÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN

1. Dự án (hạng mục dự án):
2. Địa điểm xây dựng:
3. Thành phần tham gia nghiệm thu:
 - a) Phía Hội đồng nghiệm thu (Ghi rõ họ tên, chức vụ, cơ quan và số văn bản cử tham gia làm đại diện)
 - b) Phía doanh nghiệp: (Tên doanh nghiệp)
 Người đại diện theo pháp luật và người phụ trách đầu tư dự án, hạng mục dự án:
 - c) Nhà thầu thi công
 Người đại diện theo pháp luật của nhà thầu và cán bộ phụ trách thi công dự án, hạng mục dự án:
4. Thời gian tiến hành nghiệm thu:
 Bắt đầu: ngày tháng năm ...; Kết thúc: ngày tháng năm ...
 Tại:.....
5. Đánh giá dự án, hạng mục dự án:
 - a) Tài liệu làm căn cứ để nghiệm thu:
 - b) Quy mô, chất lượng dự án, hạng mục dự án (đối chiếu định mức hỗ trợ, thiết kế, tiêu chuẩn xây dựng, chỉ dẫn kỹ thuật);
 - c) Giá trị khối lượng nghiệm thu hạng mục công trình hoặc toàn bộ dự án (đồng);
 - d) Các ý kiến khác nếu có
6. Kết luận:
 - Chấp nhận nghiệm thu hoàn thành dự án, hạng mục dự án đáp ứng yêu cầu và được hỗ trợ từ ngân sách nhà nước.
 - Yêu cầu sửa chữa, hoàn thiện bổ sung và các ý kiến khác (nếu có).
 Các bên trực tiếp nghiệm thu chịu trách nhiệm trước pháp luật về quyết định nghiệm thu này./.

Nơi nhận:

- Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (để báo cáo);
- Các Sở: TC, KH&ĐT, NN&PTNT, KH&CN, TN&MT (để biết);
- Kho bạc Nhà nước cấp tỉnh;
- Doanh nghiệp nhận hỗ trợ;
- Nhà thầu thi công;
- Thành viên Hội đồng nghiệm thu;
- Các cơ quan liên quan khác;
- Lưu: ...

HỘI ĐỒNG NGHIỆM THU

(Thành viên Hội đồng ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu của Sở NN&PTNT)

DOANH NGHIỆP

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

TÊN DOANH NGHIỆP...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

V/v tạm ứng (Thanh
toán) kinh phí

Kính gửi: Kho bạc Nhà nước tỉnh, thành phố.....

Căn cứ Nghị định số .../2018/NĐ-CP ngày... tháng... năm 2018 của Chính
phủ.

Doanh nghiệp: (Tên doanh
nghiệp)

Trụ sở chính:

Điện thoại:Fax:

Tài khoản số tại

- Lý do tạm ứng (thanh toán):

- Nội dung ưu đãi, hỗ trợ:

+ Hạng mục hỗ

trợ:

+

Số tiền đề nghị tạm ứng (thanh toán):..... (Viết bằng chữ):

- Hồ sơ kèm theo gồm:

CHỨC DANH NGƯỜI ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP

(Ký tên, đóng dấu)

Nơi nhận:

.....

Tên đơn vị ngân hàng:....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

BẢNG KÊ CẬP BÙ LÃI SUẤT TÍN DỤNG NGÂN HÀNG QUÝ.....NĂM

(Kèm theo tờ trình số: /TTr của)

Đơn vị: món vay; đồng

Số TT	Khách hàng	Địa chỉ	Số HĐTĐ	Ngày Ký HĐTĐ	Số tiền được phê duyệt	Ngày nhận nợ	Hạn trả cuối cùng	LS cho vay %/ năm	LS cấp bù %/ năm	Số tiền vay	Dư nợ	Thời gian cấp bù			Số tiền lãi xin cấp bù	Biên động trong quý		Ghi Chú
												Từ ngày	Đến ngày	Số ngày		Từ ngày	Số dư mới	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19

NGÂN HÀNG ...

PHÒNG NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT ...

PHÒNG TÀI CHÍNH - KẾ HOẠCH
HUYỆN...

LẬP BIỂU

KIỂM SOÁT

GIÁM ĐỐC

